

VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ TRUNG ƯƠNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU

---

GIỮ GÌN MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI  
MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	1
<b>I. Tình hình ô nhiễm và phá hoại môi trường ở nước ta.....</b>	<b>2</b>
<b>1. Ô nhiễm môi trường thành phố.....</b>	<b>2</b>
1.1. Ô nhiễm môi trường không khí.....	2
1.2. Ô nhiễm môi trường nước .....	10
1.3. Ô nhiễm do chất thải rắn.....	11
<b>2. Ô nhiễm môi trường nông thôn.....</b>	<b>14</b>
2.1. Ô nhiễm do chất thải rắn.....	15
2.2. Ô nhiễm không khí .....	18
2.3. Ô nhiễm nước thải.....	19
2.4. Ô nhiễm đất do sử dụng thuốc BVTV.....	19
<b>3. Ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp.....</b>	<b>20</b>
3.1. Ô nhiễm nguồn nước .....	20
3.2. Ô nhiễm môi trường đất .....	23
3.3. Ô nhiễm do chất thải rắn.....	23
<b>4. So sánh với các nước Đông Nam Á.....</b>	<b>24</b>
<b>II. Kinh nghiệm của một số nước về phòng, chống ô nhiễm, phá hoại môi trường, bồi bổ và tô điểm môi trường, thực hiện phát triển xanh.....</b>	<b>25</b>
1. <i>Pháp luật về bảo vệ môi trường – kinh nghiệm Singapore .....</i>	<i>25</i>
2. <i>Tăng trưởng xanh - Kinh nghiệm Hàn Quốc.....</i>	<i>28</i>
3. <i>Đánh thuế rác .....</i>	<i>30</i>
4. <i>Kiểm soát khí thải mô tô, xe gắn máy.....</i>	<i>31</i>
5. <i>Đưa bộ môn giáo dục môi trường vào chương trình giảng dạy.....</i>	<i>31</i>
<b>III. Chủ trương và biện pháp của Đảng và Nhà nước ta về phòng, chống ô nhiễm, phá hoại môi trường, thực hiện phát triển xanh .....</b>	<b>31</b>
1. <i>Chủ trương.....</i>	<i>31</i>
2. <i>Biện pháp.....</i>	<i>35</i>
<b>IV. Kiến nghị cho những năm tới .....</b>	<b>39</b>

## **I. Tình hình ô nhiễm và phá hoại môi trường ở nước ta**

Theo kết quả nghiên cứu vừa công bố tại Diễn đàn Kinh tế thế giới Davos tháng 02/2012 vừa qua, Việt Nam nằm trong số 10 quốc gia có chất lượng không khí thấp nhất và ảnh hưởng nhiều nhất đến sức khỏe. Về ảnh hưởng của chất lượng không khí, Việt Nam đứng thứ 123 trong bảng xếp hạng 132 quốc gia khảo sát. Về ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe, Việt Nam đứng vị trí 77. Về chất lượng nước Việt Nam được xếp hạng 80. Tính theo chỉ số chất lượng môi trường EPI, Việt Nam xếp thứ 79.<sup>1</sup> Hội nghị quốc tế về môi trường diễn ra tại Thụy Sĩ năm 2006 cũng đã xếp Việt Nam vào nước có môi sinh kém nhất trong 8 nước Đông Nam Á.

Các kết quả này cho thấy, trong những năm qua, mặc dù Đảng và Nhà nước đã chú trọng hơn công tác bảo vệ môi trường song tình trạng tách rời công tác bảo vệ môi trường với hoạt động phát triển kinh tế - xã hội diễn ra phổ biến ở nhiều ngành, nhiều cấp, dẫn đến tình trạng môi trường ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng. Đối tượng gây ô nhiễm môi trường chủ yếu là hoạt động sản xuất của nhà máy trong các khu công nghiệp, hoạt động làng nghề và sinh hoạt tại các đô thị lớn.

### ***1. Ô nhiễm môi trường thành phố***

Quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ tại các đô thị lớn của Việt Nam, đặc biệt là tại các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh,... với dòng người di cư từ vùng nông thôn ra thành phố tăng nhanh cùng việc bùng nổ các phương tiện giao thông cá nhân đã và đang khiến cho tình trạng ô nhiễm môi trường khu vực thành thị trở nên căng thẳng. Ô nhiễm môi trường tại các đô thị đang ở mức báo động, bao gồm ô nhiễm không khí, nước thải, rác thải sinh hoạt, rác thải y tế, tiếng ồn, v.v... Trong đó, đặc biệt nghiêm trọng là vấn đề ô nhiễm môi trường không khí với mức độ ô nhiễm vượt nhiều lần tiêu chuẩn cho phép.

#### ***1.1. Ô nhiễm môi trường không khí***

Tháng 2/2012 vừa qua, Trung tâm nghiên cứu Môi trường của trường Đại học Yale và Columbia của Mỹ đã công bố tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới ở Davos, Thụy Sĩ, báo cáo đánh giá môi trường tại 132 quốc gia, trong đó đã xếp hạng Việt Nam nằm trong top 10 nước có môi trường không khí bị ô nhiễm nhất trên thế giới (đứng thứ 123 trong tổng số 132 nước).

---

<sup>1</sup> Trang Nguyên, Không khí ở Việt Nam bản thứ 10 thế giới, <http://vnexpress.net>, 06/02/2012

Trong khi đó, theo báo cáo của Chương trình môi trường của Liên hợp quốc, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đứng đầu châu Á về mức độ ô nhiễm bụi.<sup>2</sup>

Có thể nói, chất lượng không khí của các đô thị Việt Nam đang suy giảm, nhiều nơi vấn đề ô nhiễm môi trường không khí đã ở mức “báo động đỏ”. Môi trường không khí của hầu hết các khu vực trong thành phố đều bị ô nhiễm bụi, đặc biệt là ở các nút giao thông, các khu vực có công trường xây dựng và nơi tập trung hoạt động sản xuất công nghiệp.

Theo Cục Kỹ thuật An toàn và Môi trường Công nghiệp- Bộ Công Thương, 5 tỉnh thành có hoạt động công nghiệp lớn nhất cũng là những địa phương gây ô nhiễm không khí nghiêm trọng nhất, đó là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), Bình Dương, Đồng Nai và Hải Phòng. Trong đó, Hà Nội và TP.HCM là nơi mà tình trạng ô nhiễm không khí diễn ra nặng nhất với nồng độ các chất gây ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.

Bầu khí quyển tại hai thành phố lớn Hà Nội và TP.HCM có mức benzene và sulfur dioxide đáng báo động. Một trong số chất ô nhiễm nguy hiểm nhất là những hạt bụi siêu nhỏ (PM10) cũng đang ở mức báo động so với các thành phố khác thuộc các nước đang phát triển ở Châu Á. Cụ thể, mức PM10 ở Hà Nội và TP.HCM hiện ở khoảng 80 micrograms/m<sup>3</sup>, gấp đôi của Bangkok và trên mức trong bản hướng dẫn 20 của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Độ ô nhiễm bụi ở hầu khắp các đô thị vượt quá tiêu chuẩn cho phép đến 2 lần, đặc biệt có nơi đến 10 lần. Ở những nút giao thông hay tắc nghẽn, nồng độ khí độc, hơi xăng dầu đã tới mức báo động. Khói thải từ các nhà máy chưa được khử khí độc hoặc khử chưa đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, cũng như hơi bốc của các loại chất thải nói trên, nhất là các loại rác phân huỷ vi sinh đã làm tăng thêm nồng độ vẩn đục của không khí. Ở một số nơi, nhất là 9 địa phương: Hà Nội, Lào Cai, Quảng Ngãi, Nha Trang, Biên Hoà, TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Vũng Tàu và Mỹ Tho, đã xuất hiện những trận mưa axit gây hại cho sức khoẻ con người và phá hoại hệ sinh thái động, thực vật.<sup>3</sup>

## **Hà Nội**

Theo các chuyên gia nước ngoài, Hà Nội đặc biệt là một trong những thành phố ô nhiễm nhất khu vực châu Á và là thành phố ô nhiễm nhất khu vực Đông Nam Á, với hàm lượng bụi cao gấp nhiều lần mức cho phép. Mức độ ô nhiễm bụi của Hà Nội được đánh giá là tương đương thành phố Dehil và Karachi, hai trong 10 thành phố ô nhiễm nhất thế giới.

---

<sup>2</sup> TS. Trần Đắc Hiến, Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay – Thực trạng và một số giải pháp khắc phục, <http://www.khucongnghiep.com.vn>, 08/01/2010

<sup>3</sup> Đinh Văn Ân, Hoàng Thu Hòa (2009), Vượt thách thức, mở thời cơ phát triển bền vững, NXB. Tài Chính

Theo báo cáo về hiện trạng môi trường Hà Nội năm 2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, tình trạng ô nhiễm môi trường không khí tại Hà Nội đang ở mức “báo động đỏ”. Nồng độ bụi lơ lửng ở các quận nội thành đều vượt quá tiêu chuẩn cho phép 5 - 6 lần, thậm chí có nơi trên 10 lần. Lượng khí thải độc hại ngày càng gia tăng và tác động tiêu cực tới con người, môi trường sống.<sup>4</sup>

Trung bình tại các nơi công cộng ở thủ đô, nồng độ bụi vượt quá chuẩn cho phép 2 - 4 lần (theo tiêu chuẩn của các nước Châu Âu, Châu Mỹ, nồng độ bụi ở các thành phố chỉ được phép vượt quá tiêu chuẩn cho phép 1-2 lần). Đặc biệt, tại các công trình xây dựng, các nút giao thông trọng điểm, mức độ ô nhiễm không khí cao hơn gấp 5-6 lần quy chuẩn cho phép.<sup>5</sup> Cụ thể, theo số liệu của Trung tâm quan trắc môi trường, Tổng cục môi trường Việt Nam, tại nhiều nút giao thông như Kim Liên - Giải Phóng, Phùng Hưng - Hà Đông, những khu vực đông dân cư, nồng độ bụi thường cao hơn mức cho phép, có lúc lên gấp 7 lần.<sup>6</sup>

Các khu vực hay công trường đang xây dựng, cải tạo, sửa chữa như Lê Văn Lương, Khuất Duy Tiến, Nguyễn Trãi, Nguyễn Xiển, Phạm Hùng, Láng Hoà Lạc, Văn Điển, Bắc Thăng Long, v.v... nồng độ bụi cũng vượt quá chuẩn cho phép 5 lần. Nồng độ các chất ô nhiễm khác đều vượt chuẩn nhiều lần, trong đó có các chất cực độc như Pb, SO<sub>2</sub>.

Mặc dù hiện nay, các khí ô nhiễm khác như CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, Benzen... lẫn trong không khí đang ở dưới các quy chuẩn nhưng vài năm trở lại đây, lượng phát thải ô nhiễm này đang có xu hướng tăng lên. Trong đó, giao thông vận tải là nguồn gây ô nhiễm lớn đối với không khí, nhất là sự phát thải các khí CO, hỗn hợp các chất hữu cơ bay hơi (VOC) và NO<sub>2</sub>.

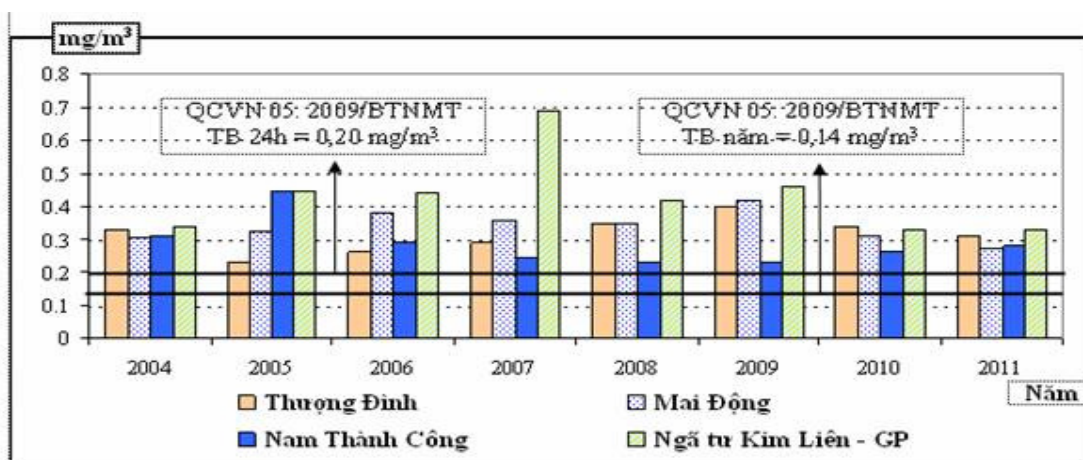
Hình 1 dưới đây cho kết quả quan trắc môi trường của các Trạm Quan trắc & Phân tích Môi trường Quốc gia, từ năm 2004 – 2011 về trị số bụi TSP của một số địa điểm của Hà Nội. Đường kẻ ngang là trị số tối đa cho phép trung bình năm (đường dưới) và trung bình ngày (đường trên). Xét hình 1 ta thấy hầu hết ở các điểm quan trắc đều bị ô nhiễm nặng về bụi TSP, nghiêm trọng nhất là ở ngã Tư Kim Liên - Giải Phóng, cao hơn trị số quy chuẩn quốc gia cho phép từ 3-5 lần, mức ô nhiễm bụi cao tiếp theo là khu Mai Động, Thượng Đình, ô nhiễm thấp hơn là khu dân cư Nam Thành Công. So sánh giữa 3 thành phố (Hình 2) thì ở Hà Nội bị ô nhiễm bụi PM10 lớn nhất, TP.HCM đứng thứ 2 và Đà Nẵng hầu như chưa bị ô nhiễm bụi PM10.

<sup>4</sup> Thái San, Giám thiếu ô nhiễm không khí tại Hà Nội: Nhiệm vụ cấp bách, <http://www.monre.gov.vn>, 06/02/2012

<sup>5</sup> Quỳnh Anh, Ô nhiễm không khí tại các đô thị vượt nhiều lần quy chuẩn cho phép, <http://dantri.com.vn>, 20/03/2012

<sup>6</sup> Hương Thu, Không khí Hà Nội 'bản hạng nhất châu Á', <http://vnexpress.net>, 22/3/2012

**Hình 1:** Nồng độ bụi TSP trung bình của trung bình 6 đợt quan trắc trong năm của một số địa điểm của TP Hà Nội từ năm 2004-2011 ( $\text{mg}/\text{m}^3$ )



Nói chung, môi trường không khí ở thủ đô Hà Nội hiện nay, đang bị ô nhiễm nặng nề về bụi TSP và bụi PM10. Ô nhiễm các khí độc hại  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_2$ , CO, Pb, CnHn còn có tính cục bộ, chủ yếu xảy ra ở các nút giao thông lớn hoặc bên cạnh các cơ sở sản xuất có đốt than, dầu.<sup>7</sup>

### Thành phố Hồ Chí Minh

Tại TP.HCM, kết quả đo đạc tại 6 trạm quan trắc không khí cho thấy 89% mẫu kiểm tra không khí không đạt tiêu chuẩn cho phép, luôn ở mức nguy hại cao cho sức khỏe, trong đó lượng bụi lơ lửng đang là nhân tố gây ô nhiễm nghiêm trọng hàng đầu trên địa bàn. Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm không khí do chì cũng gia tăng nhanh chóng, cụ thể nồng độ chì đo được từ đầu năm 2009 đến nay thường dao động ở ngưỡng 0,22 - 0,38 $\text{g}/\text{m}^3$ , quá chuẩn cho phép khoảng 1,5 lần. Theo khảo sát thì tại TP.HCM, hoạt động giao thông vận tải, các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp và hoạt động xây dựng là những nguồn chính gây ô nhiễm không khí ở các khu đô thị. Trong đó, ô nhiễm không khí ở các đô thị trung tâm chủ yếu là do giao thông gây nên (khoảng 70%). Tình trạng ô nhiễm một số khí độc như CO,  $\text{SO}_2$ ,  $\text{NO}_2$  trong không khí tại các đô thị đặc biệt nghiêm trọng lại một số địa điểm như các nút giao thông trọng yếu (đặc biệt vào những giờ cao điểm), những khu vực công trường xây dựng... nồng độ các chất thải nguy hại này (nhất là khí  $\text{NO}_2$ ) đã tăng cao và vượt xa so với trị số cho phép.<sup>8</sup>

Tuy vậy, cũng cần có cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề ô nhiễm môi trường không khí ở Việt Nam nói chung cũng như ở các thành phố lớn nói riêng của Việt Nam.

<sup>7</sup> M.M, "Việt Nam nằm trong top 10 nước có môi trường không khí bị ô nhiễm nặng nhất trên thế giới" chỉ đúng một nửa, <http://www.moitruong.com.vn>, 25/05/2012

<sup>8</sup> Thái San, Giảm thiểu ô nhiễm không khí tại Hà Nội: Nhiệm vụ cấp bách, <http://www.monre.gov.vn>, 06/02/2012

(1) Trước hết cần phải phân biệt rõ 2 loại chất ô nhiễm trong môi trường không khí, chúng có tính chất vật lý, tính chất hóa học và tính chất sinh học khác nhau, đó là ô nhiễm các loại bụi (bụi lơ lửng, bụi mịn PM10, PM5, PM2,5) và ô nhiễm các loại khí, như là SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO, hơi xăng dầu v.v.... Ô nhiễm không khí rất độc hại đối với sức khỏe con người, chủ yếu là gây ra các bệnh đường hô hấp, đặc biệt là gây ra bệnh ung thư phổi. Tác động của các khí ô nhiễm đối với sức khỏe của con người mạnh hơn tác động của các loại bụi.

Số liệu quan trắc môi trường nhiều năm qua chứng tỏ rằng thực tế môi trường không khí ở các đô thị Việt nam chủ yếu là bị ô nhiễm rất nặng về bụi, còn xét về khí ô nhiễm độc hại như SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO thì môi trường không khí ở Việt Nam chưa bị ô nhiễm, còn tốt hơn so với nhiều đô thị trên thế giới và trong khu vực, như Bắc Kinh, New Deli, Bangkok, v.v....;

(2) Thứ hai là ô nhiễm bụi nặng nề ở nước ta chủ yếu xảy ra ở các thành phố lớn, đặc biệt là ở Hà Nội, TP.HCM và các thành phố loại 1, loại 2, như là Hải Phòng, Nam Định, Việt Trì, Cần Thơ, Buôn Ma Thuật, v.v..., trừ TP Đà Nẵng (năm 2011 TP Đà Nẵng được Ban Thư Ký ASEAN công nhận là 1 trong 10 thành phố có không khí sạch trong ASEAN), chất lượng môi trường không khí ở nhiều đô thị loại vừa và loại nhỏ của nước ta còn rất tốt.

Như vậy, có thể nói đánh giá của Trung tâm nghiên cứu Môi trường của trường Đại học Yale và Columbia về môi trường không khí ở nước ta chỉ đúng đối với ô nhiễm bụi chứ không phải là với ô nhiễm môi trường không khí nói chung.

Theo chỉ số chất lượng không khí của Mỹ (Air Quality Index) AQI:

	AQI ≤ 50	50 < AQI ≤ 200	200 < AQI ≤ 300	AQI > 300
Môi trường không khí	Chất lượng tốt	Chất lượng trung bình	Ô nhiễm nặng	Ô nhiễm rất nặng

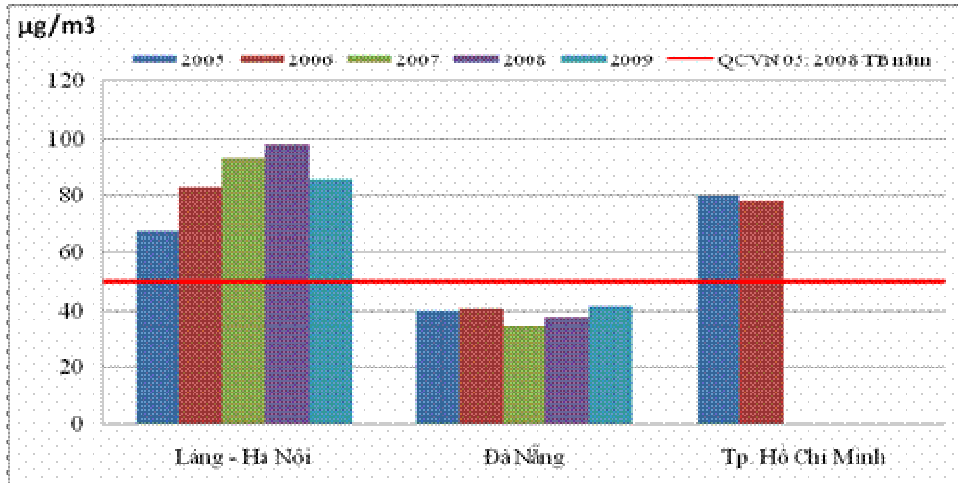
Áp dụng phương pháp đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường không khí ở Hà Nội theo AQI thì tính chung cho toàn Hà Nội theo từng chất ô nhiễm ta có:

AQI	Trị số	So sánh chuẩn
AQI (SO <sub>2</sub> )	59,3	Chất lượng trung bình
AQI (CO)	30,5	Chất lượng tốt
AQI (NO <sub>2</sub> )	31,5	Chất lượng tốt
AQI (bụi TSP)	351,9	Ô nhiễm rất nặng
Tính chung 4 loại ô nhiễm AQI0	155,4	Chất lượng trung bình

Có nghĩa là xét tổng quát thì môi trường không khí Hà Nội thuộc loại bị ô nhiễm, nhưng xét riêng từng chất ô nhiễm thì ô nhiễm bụi TSP ở mức rất nặng

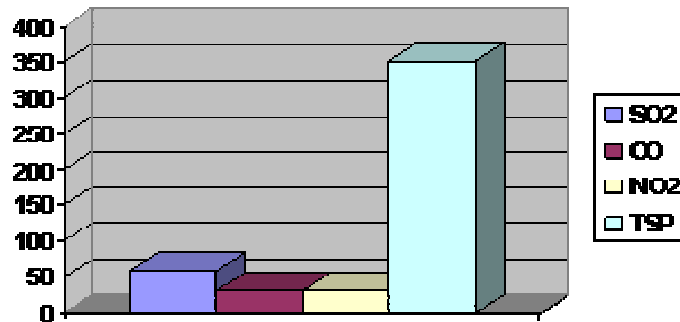
(nồng độ bụi trung bình trong không khí của Hà Nội gấp 3,5 lần trị số tối đa cho phép theo Quy chuẩn quốc gia), còn xét về khí CO và NO<sub>2</sub> thì thuộc loại chất lượng môi trường tốt, xét về khí SO<sub>2</sub> thì thuộc loại không bị ô nhiễm và gần với mức môi trường tốt (Hình 3).<sup>9</sup>

**Hình 2:** Diễn biến nồng độ bụi PM10 trung bình năm trong không khí xung quanh Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng



*Nguồn:* Báo cáo Môi trường Việt Nam 2010

**Hình 3 :** Chỉ số chất lượng không khí (AQI) của Hà nội, tính riêng cho từng chất ô nhiễm các chất khí SO<sub>2</sub>, CO, NO<sub>2</sub> và bụi TSP



Nguyên nhân của tình trạng ô nhiễm môi trường không khí khu vực thành thị kể trên là do:

(1) Quy hoạch phát triển đô thị ở nước ta chưa xem xét đầy đủ đến yêu cầu bảo vệ môi trường (BVMT), như tỷ lệ diện tích giao thông động cũng như giao thông tĩnh không đủ, tỷ lệ diện tích cây xanh và mặt nước ngày càng bị thu hẹp.

<sup>9</sup> M.M, "Việt Nam nằm trong top 10 nước có môi trường không khí bị ô nhiễm nặng nhất trên thế giới" chỉ đúng một nửa, <http://www.moitruong.com.vn>, 25/05/2012

Thảm cây xanh thường được coi là lá phổi của đô thị bị giảm sút rõ rệt. Theo điều tra, chỉ trong 10 năm phát triển (1986-96) tại 4 quận nội thành Hà Nội cũ, diện tích cây xanh đã bị mất đến 12%. Bên cạnh đó, diện tích ao hồ bị san lấp gần 6%. Trong khi đó, số nhà tạm hoặc những nhà chiếm dụng ven sông, ven hồ lại tăng mạnh, cùng với sự tồn tại từ nhiều năm của những khu nhà ổ chuột,... Tất cả những điều đó đã làm cho môi trường sống thêm giảm sút.<sup>10</sup>

(2) Hoạt động xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà cửa, đường xá, cống rãnh... tràn lan, thiếu quản lý thống nhất và thiếu biện pháp BVMT.

Đường sá chật hẹp, bị đào bới liên tục, cộng với hoạt động xây dựng nhà cửa và hạ tầng đô thị đã “đóng góp” cho các khu đô thị lớn hàng tấn bụi. Những phương tiện vận chuyển chất thải, phế thải, vật liệu xây dựng không được che chắn đúng quy định, không được rửa sạch trước khi rời khỏi bãi tập kết làm rơi rớt cát, sỏi, phế thải ra đường. Đây chính là nguồn bụi gây ra tình trạng ô nhiễm không khí như hiện nay.

Cùng với đó, các công trình giao thông, kè sông, đường giao thông, cầu vượt, đường hầm dành cho người đi bộ không hoàn thành đúng tiến độ, đã tạo nên một lượng bụi rất lớn.

(3) Phương tiện giao thông cơ giới phát triển quá nhanh, vượt quá khả năng phục vụ của hệ thống giao thông đô thị.

Do mật độ dân số tại các khu đô thị tăng quá nhanh, kéo theo đó là sự tăng nhanh của các phương tiện giao thông cơ giới (nhất là xe máy, và những năm gần đây là ô tô) tham gia giao thông (Hình 4). Số lượng phương tiện cơ giới này tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn, đặc biệt là ở Hà Nội và TP.HCM (Hình 5). Trong khi đó, cơ sở hạ tầng của các đô thị chưa đáp ứng được và vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

Thống kê của Bộ GTVT cho thấy, hoạt động giao thông chiếm tới 70% tỷ lệ đóng góp ô nhiễm không khí tại Hà Nội. Tính đến năm 2010, cả nước có khoảng trên 30 triệu mô tô, xe gắn máy đang tham gia giao thông và hơn 3 triệu chiếc/năm sản xuất, lắp ráp mới đang biến Việt Nam thành một trong những quốc gia sử dụng mô tô, xe gắn máy nhiều trên thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ.<sup>11</sup> Chỉ tính riêng Hà Nội, theo ước tính, mỗi ngày có khoảng 1,8 triệu lượt xe gắn máy và hai bánh lưu hành qua thủ đô Hà Nội. Đây cũng là thành phố có tỷ lệ sử dụng phương tiện công cộng thấp nhất châu Á, với 4 triệu phương tiện cá nhân, nguyên nhân chính của việc thường xuyên tắc đường và tình trạng ô nhiễm môi trường không khí nghiêm trọng trong thành phố Hà Nội. Với lượng

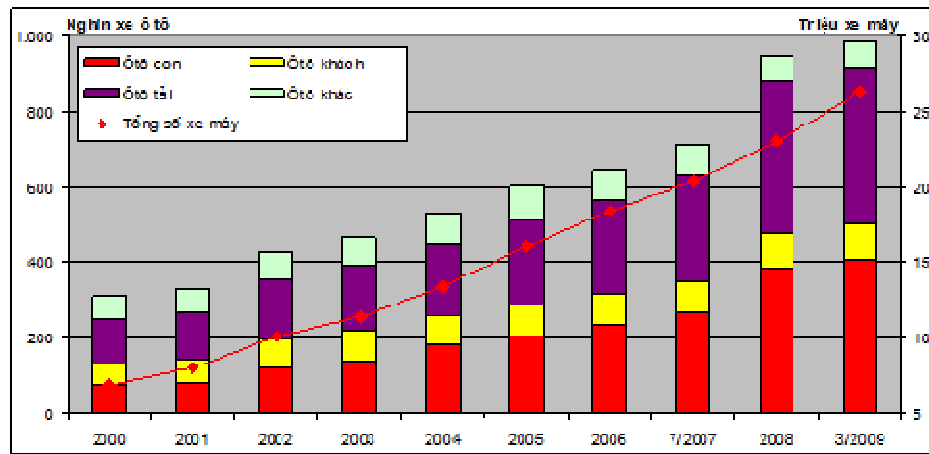
<sup>10</sup> Đinh Văn Ân, Hoàng Thu Hòa (2009), Vượt thách thức, mở thời cơ phát triển bền vững, NXB. Tài Chính

<sup>11</sup> B.H, Giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí, <http://www.giaothongvantai.com.vn>, 26/10/2010



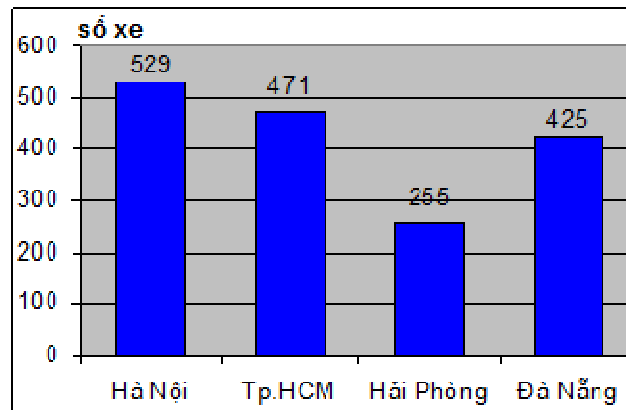
mô tô và xe gắn máy như vậy, hoạt động giao thông chiếm tới 85% lượng khí thải CO và 95% lượng VOCs (Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi ).

**Hình 4:** Số lượng ô tô và xe máy hoạt động hàng năm của Việt Nam



*Nguồn:* Cục Đăng kiểm Việt Nam và Vụ KHCN&MT, Bộ GTVT, 2009

**Hình 5:** Số lượng xe máy trên 1.000 dân ở các thành phố lớn của VN năm 2006



*Nguồn:* Cục Đăng kiểm Việt Nam, 2007

(4) Ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường đô thị của mọi người còn kém.

Ngoài ra còn có bụi, khói từ các KCN tập trung (cũ và mới), ô tô, xe máy. Đa phần các cơ sở sử dụng công nghệ lạc hậu, dùng than đá mà không có các thiết bị thu gom xử lý bụi. Các nhà máy đan xen với khu dân cư, cơ sở hạ tầng không được xây dựng đồng bộ nên cũng gây ô nhiễm nặng.

Theo tính toán của các chuyên gia nước ngoài, nếu GDP tăng gấp đôi thì nguy cơ chất thải tăng gấp 3-5 lần. Và nếu như trình độ công nghệ sản xuất, cơ cấu sản xuất, trình độ quản lý sản xuất, trình độ quản lý môi trường không được cải tiến thì sự tăng trưởng sẽ kéo theo sự gia tăng các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường gây sức ép cho môi trường, khiến cho môi trường đô thị bị ô nhiễm trầm trọng. Trong khi đó đến năm 2011, dân số thành thị là khoảng 27% so với

dân số cả nước, dự kiến năm 2020 là 45%. Điều đó, chứng tỏ quá trình đô thị hóa của ta đang tăng rất nhanh qua từng năm và đặt ra thách thức lớn cho môi trường.

## 1.2. Ô nhiễm môi trường nước

Thực trạng ô nhiễm nguồn nước ở các khu đô thị cũng đang trong tình trạng báo động. Những năm gần đây, dân số ở các đô thị tăng nhanh khiến hệ thống cấp thoát nước không đáp ứng nổi và đang xuống cấp nhanh chóng. Đến nay chỉ có khoảng 30% nước thải từ các khu đô thị được qua xử lý. Nước thải từ các khu dân cư, bệnh viện, trường học, công sở,... hầu hết đều trực tiếp xả ra hệ thống sông ngòi mà không có bất kỳ một biện pháp xử lý nào. Nồng độ chất độc hại trong nước thải đều trên mức cho phép nhiều lần.

Tình trạng ô nhiễm nước rõ ràng nhất là ở các thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, Nam Định, Hải Dương, v.v... Ở các đô thị này, nước thải sinh hoạt vẫn còn lẫn lộn với nước thải công nghiệp không qua xử lý tập trung. Nguồn nước thải đó đổ ra gây ô nhiễm nặng nề cho các con sông, đến mức báo động, như sông Tô Lịch, Kim Ngưu (ở Hà Nội), kênh Thị Nghè, Tân Hoá, Tàu Hủ (ở TP.HCM). Trên hệ thống sông Đồng Nai - Sài Gòn cũng đã xuất hiện nhiều đoạn bị ô nhiễm chất hữu cơ và kim loại nặng. Còn tại Hà Nội, những kết quả quan trắc môi trường gần đây cho thấy, hầu hết các con sông nội thành đã bị ô nhiễm ở mức nghiêm trọng. Các thông số đo được đều vượt gấp nhiều lần tiêu chuẩn cho phép đối với nước mặt. Trong khi đó, phần lớn những dòng sông này lại là nguồn cung cấp nước chính cho sinh hoạt và sản xuất của người dân.

Bên cạnh đó, hệ thống thoát nước ở các đô thị (kể cả những đô thị lớn) đều hoạt động bất cập khi mưa to kéo dài, dẫn đến úng ngập cục bộ. So với yêu cầu, hệ thống thoát nước ở TP.HCM chỉ đạt chưa đến 60%, Hà Nội và Hải Phòng chỉ đạt chưa đến 40%. Các đô thị khác còn thấp hơn, chưa kể còn khá nhiều đường phố ở một số đô thị không có hệ thống thoát nước. Điều đó chứng tỏ rằng vấn đề môi trường chưa được chú ý đúng mức trong quy hoạch xây dựng các vùng đô thị.<sup>12</sup>

Tại Đà Nẵng, theo thông tin từ Công ty Thoát nước và xử lý nước thải Đà Nẵng, hiện nay lượng nước thải sinh hoạt trung bình của thành phố hơn 100.000m<sup>3</sup>/ngày đêm, nhưng công ty chỉ mới thu gom được từ 50 - 65% dù 4 trạm xử lý nước thải được xây dựng với tổng công suất 103.000m<sup>3</sup>/ngày đêm. Các trạm này chỉ mới thu gom nước thải sinh hoạt chủ yếu tại các quận trung tâm, còn phần lớn khu vực vùng ven vẫn chưa có hệ thống thu gom và xử lý. Hệ

<sup>12</sup> Đinh Văn Ân, Hoàng Thu Hòa (2009), Vượt thách thức, mở thời cơ phát triển bền vững, NXB. Tài Chính

thống xử lý nước thải thành phố là xử lý vi sinh, đơn thuần chỉ là hồ chứa được đậy kín bằng tấm nhựa HDPE, quá trình kỵ khí tạo thành khí H<sub>2</sub>S có mùi hôi thối. Phần lớn các đập chuyển dòng được thiết kế dọc bờ biển, vào mùa mưa bão, triều cường và sóng biển dâng cao mang theo cát tràn vào lấp các cửa xả gây tắc dòng. Tại khu vực trung tâm, phần lớn cống rãnh thu gom nước thải được xây dựng từ thời Pháp thuộc, qua nhiều năm bị các công trình xây mới gây ảnh hưởng đến dòng chảy. Hệ thống cống chung, vừa thoát nước, vừa thoát mưa nên khi mùa mưa đến, nước thải theo nước mưa chảy thẳng ra các cửa xả, kênh mương gây ô nhiễm. Thêm vào đó, người dân chưa có ý thức trong việc xả thải, xem việc xử lý nguồn nước là trách nhiệm của nhân viên môi trường.<sup>13</sup>

### 1.3. Ô nhiễm do chất thải rắn

Một thực tế mà các thành phố lớn ở Việt Nam đang phải đối mặt là lượng chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) phát sinh hàng ngày quá lớn. Hiện nay, CTRSH chiếm tới 80% tổng lượng chất thải rắn (CTR) và đang gia tăng nhanh chóng cùng với quá trình gia tăng dân số, sự tập trung dân do làn sóng di cư từ nông thôn ra thành thị.

Trong những năm qua, tốc độ đô thị hóa diễn ra rất nhanh đã trở thành nhân tố tích cực đối với phát triển kinh tế – xã hội của đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích về kinh tế - xã hội, đô thị hóa quá nhanh đã tạo ra sức ép về nhiều mặt, dẫn đến suy giảm chất lượng môi trường và phát triển không bền vững. Lượng CTR phát sinh tại các đô thị và KCN ngày càng nhiều với thành phần phức tạp.

Lượng CTRSH tại các đô thị ở nước ta trung bình mỗi năm tăng khoảng 10%. Tỷ lệ tăng cao tập trung ở các đô thị đang có xu hướng mở rộng, phát triển mạnh cả về quy mô lẫn dân số lẫn các KCN, như các đô thị tỉnh Phú Thọ (19,9%), thành phố Phủ Lý (17,3%), Hưng Yên (12,3%), Rạch Giá (12,7%), Cao Lãnh (12,5%)...

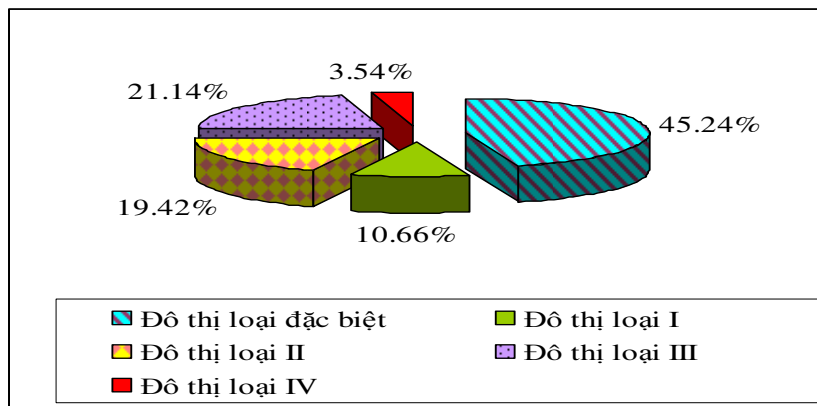
Theo Báo cáo Hiện trạng môi trường Việt Nam 2010: từ 2003 – 2008 bình quân CTR tăng 150 – 200%. Nếu như tổng lượng CTRSH phát sinh ở các đô thị đầu năm 2007 vào khoảng 17.682 tấn/ngày thì đến năm 2008 con số này đã lên tới khoảng 35.100 tấn/ngày (tăng gần 200%) và tới năm 2010 đã ở mức 76.712 tấn/ngày (tăng hơn 200% so với năm 2008) (Bảng 1). Hiện nay, tổng khối lượng CTR phát sinh cả nước mỗi năm vào khoảng 28 triệu tấn. Bộ Tài nguyên và Môi trường dự báo, đến năm 2015 tổng khối lượng CTR phát sinh là khoảng 43,6 triệu tấn, đến năm 2020 sẽ là 67,6 triệu tấn và đến năm 2025 sẽ là 91 triệu tấn, cao gấp hơn 3 lần hiện nay.

<sup>13</sup> Tiêu Yến, Ô nhiễm môi trường Đà Nẵng: Nguy cơ ô nhiễm vẫn cao, <http://www.baodanang.vn>, 24/3/2012

Kết quả điều tra tổng thể năm 2006 - 2007 cho thấy, lượng CTRSH đô thị phát sinh chủ yếu tập trung ở 2 đô thị đặc biệt là Hà Nội và TP.HCM. Tổng lượng CTRSH phát sinh từ 2 đô thị loại đặc biệt này chiếm 45,24% tổng lượng CTRSH từ tất cả các đô thị (hình 6).<sup>14</sup>

Tại Hà Nội, khối lượng rác tăng trung bình 15%/năm, tổng lượng CTRSH ước khoảng 5.000 tấn/ngày đêm, gấp đôi so với lượng CTRSH thải ra ở thành phố này năm 2007.<sup>15</sup> Trong khi đó, theo công bố mới đây (ngày 18/02/2012) của Sở Tài nguyên - Môi trường TP.HCM, hiện mỗi ngày TP.HCM thải ra trên 6.700 tấn CTR đô thị, trong đó trung bình có 1.500 -2.000 tấn chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại cần xử lý, tái chế. Đây là mối đe dọa thường trực đối với môi trường tại TP.HCM hiện nay khi mà các công nghệ xử lý, tái chế rác thải còn lạc hậu.<sup>16</sup>

**Hình 6:** Tỷ lệ phát sinh CTRSH tại các loại đô thị Việt Nam năm 2007



*Nguồn:* Kết quả khảo sát năm 2006-2007 và báo cáo của các địa phương

**Bảng 1:** Lượng CTRSH phát sinh ở các đô thị Việt Nam qua các năm

	2007		2008		2010	
	Tấn/ngày	Tấn/năm	Tấn/ngày	Tấn/năm	Tấn/ngày	Tấn/năm
Tổng lượng CTRSH đô thị phát sinh	17.682	6.453.930	35.100	12.811.500	76.712	28.000.000

*Nguồn:* Tổng hợp của tác giả

Cũng theo kết quả điều tra tổng thể năm 2006 – 2007, tính theo vùng địa lý (hay vùng phát triển kinh tế - xã hội) thì các đô thị vùng Đông Nam Bộ có lượng CTRSH phát sinh lớn nhất tới 2.450.245 tấn/năm (chiếm 37,94% tổng lượng phát sinh CTRSH các đô thị loại III trở lên của cả nước), tiếp đến là các đô thị

<sup>14</sup> NN, Tình hình phát sinh CTR sinh hoạt đô thị ở Việt Nam, <http://www.moitruong.com.vn>, 04/03/2011

<sup>15</sup> P. Thanh, Khủng hoảng chất thải, Hà Nội không còn chỗ chứa rác, <http://dantri.com.vn>, 01/7/2011

<sup>16</sup> Quốc Quang, 6.700 tấn CTR xả ra môi trường mỗi ngày, <http://www.vietnamnet.vn>, 18/02/2012

vùng Đồng bằng sông Hồng có lượng phát sinh CTRSH đô thị là 1.622.060 tấn/năm (chiếm 25,12%). Các đô thị khu vực miền núi Tây Bắc bộ có lượng phát sinh CTRSH đô thị thấp nhất chỉ có 69.350 tấn/năm (chiếm 1,07% ), tiếp đến là các đô thị thuộc các tỉnh vùng Tây Nguyên, tổng lượng phát sinh CTRSH đô thị là 237.350 tấn/năm (chiếm 3,68%) (Bảng 2).<sup>17</sup>

*Bảng 2 : Lượng CTRSH đô thị theo vùng địa lý ở Việt Nam đầu năm 2007*

STT	Đơn vị hành chính	Lượng CTRSH bình quân trên đầu người (kg/người/ngày)	Lượng CTRSH đô thị phát sinh	
			Tấn/ngày	Tấn/năm
1	Đồng bằng sông Hồng	0,81	4.444	1.622.060
2	Đông Bắc	0,76	1.164	424.860
3	Tây Bắc	0,75	190	69.350
4	Bắc Trung bộ	0,66	755	275.575
5	Duyên hải Nam Trung bộ	0,85	1.640	598.600
6	Tây Nguyên	0,59	650	237.250
7	Đông Nam bộ	0,79	6.713	2.450.245
8	Đồng bằng sông Cửu Long	0,61	2.136	779.640
	<b>Tổng cộng</b>	<b>0,73</b>	<b>17.692</b>	<b>6.457.580</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát năm 2006, 2007 và báo cáo của các địa phương*

Với kết quả điều tra thống kê chưa đầy đủ như trên cho thấy, tổng lượng phát sinh CTRSH tại các đô thị ở nước ta ngày càng gia tăng với tỷ lệ tương đối cao (10%/năm) so với các nước phát triển trên thế giới. Trong khi đó, hiện nay, hầu hết rác thải đô thị không được phân loại tại nguồn, chỉ thu gom chung rồi vận chuyển đến bãi chôn lấp. Số liệu thống kê của Bộ Xây dựng cho hay tỷ lệ thu gom CTRSH đô thị tăng từ 70% năm 2000 lên 80% năm 2008. Hiện nay, CTRSH đô thị chủ yếu được “xử lý” bằng chôn lấp. Tuy nhiên, hiện cả nước chỉ có 16/98 bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Lượng CTR được chôn lấp tại các bãi chôn lấp hợp vệ sinh khoảng 60%. Tỷ lệ thu hồi các chất có khả năng tái chế và tái sử dụng đạt khoảng 20-25%. Trên cả nước, hiện mới có 1 Khu xử lý chất thải nguy hại được xây dựng tại Khu Liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội. Tại TP.HCM, nhiều bãi rác cũng đang quá tải, lượng rác thu gom của thành phố phải chuyển chở đến nơi xử lý mới rất xa. Còn lại hầu hết các CTR nguy hại (bao gồm chất thải nguy hại công nghiệp và các nguồn chất thải y tế nguy hại) ở nhiều đô thị đều phải xử lý chung cùng các loại CTRSH khác.<sup>18</sup> Theo thống kê, hệ thống bệnh viện, bao gồm các bệnh viện tại Hà Nội mỗi ngày thải khoảng 40,5 tấn (chiếm 11,7% tổng lượng chất thải phát sinh). Dự kiến, năm 2015 - 2020, con số này lần lượt là trên 70 tấn/ngày và trên 93 tấn/ngày. Nếu khối lượng rác không lồ đó không được xử lý đúng chuẩn, đó sẽ là ẩn họa khó lường cho cuộc sống của người dân.<sup>19</sup>

<sup>17</sup> NN, Tình hình phát sinh CTR sinh hoạt đô thị ở Việt Nam, <http://www.moitruong.com.vn>, 04/03/2011

<sup>18</sup> Thạch Long, Môi nguy CTR đô thị, <http://vea.gov.vn>, 29/01/2010

<sup>19</sup> P. Thanh, Khủng hoảng chất thải, Hà Nội không còn chỗ chứa rác, <http://dantri.com.vn>, 01/7/2011

Về phương tiện thu gom thì chỉ ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là có xe chuyên dụng có thùng chứa kín. Việc tập trung rác thải đô thị cho đến nay vẫn chủ yếu là đổ dồn vào các bãi lộ thiên chưa có sự kiểm soát đầy đủ về kỹ thuật. Hiện mới chỉ có một nửa số tỉnh, thành có dự án đầu tư xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh. Ngoài ra, nhiều địa phương như Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Quảng Nam... đã áp dụng thí điểm phân loại rác tại nguồn, nhưng bước đầu đã thất bại.

Nhiều nhà đầu tư đã lập các dự án xây dựng nhà máy xử lý rác với các công nghệ khác nhau. Nhưng đa phần, các dự án đó đã không được triển khai hoặc triển khai không hiệu quả, do vậy, đến nay phần lớn rác thải vẫn tiếp tục được xử lý bằng một công nghệ duy nhất đó là chôn lấp.

CTRSH ở nước ta có thành phần đa tái chế trực tiếp khá thấp, trong khi đó hàm lượng hữu cơ lên đến hơn 75% và độ ẩm rất cao, nhất là vào mùa mưa, đây là thành phần có khả năng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.<sup>20</sup>

Chính vì vậy, có thể nói, CTR đang trở thành nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường mặt nước, không khí, đất, cảnh quan đô thị và tác động xấu tới sức khỏe cộng đồng và phát triển bền vững của Việt Nam; đồng thời tồn nhiều quỹ đất, chưa tận dụng được để tái chế, tái sử dụng.<sup>21</sup> Để quản lý tốt nguồn chất thải này, đòi hỏi các cơ quan hữu quan cần đặc biệt quan tâm hơn nữa đến các khâu giảm thiểu tại nguồn, tăng cường tái chế, tái sử dụng, đầu tư công nghệ xử lý, tiêu hủy thích hợp góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường do CTRSH gây ra.

Ngoài ra, ô nhiễm tiếng ồn cũng đang trở thành một vấn đề nghiêm trọng tại các đô thị ở Việt Nam. Phải ý thức được rằng, tiếng ồn cũng là một tác nhân nguy hiểm có thể gây ra những căn bệnh về thính giác, thần kinh, tim mạch làm giảm tuổi thọ con người.

## **2. Ô nhiễm môi trường nông thôn**

Kinh tế nông nghiệp những năm gần đây duy trì tăng trưởng ổn định khoảng 4,5%, góp phần làm thay đổi đáng kể diện mạo nông thôn. Bên cạnh những thành tựu đạt được, cũng nảy sinh những bất cập tác động đến môi trường, đe dọa sự phát triển bền vững. Một kết quả khảo sát mới đây của Viện Nước, tưới tiêu và môi trường (Bộ NN&PTNT) cho thấy, với khoảng 70% dân số ở khu vực nông thôn, mỗi năm phát sinh 13 triệu tấn rác thải sinh hoạt, khoảng 1.300 triệu m<sup>3</sup> nước thải sinh hoạt và khoảng 7.500 tấn vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật (BVTV). Trong đó, khoảng 80% khối lượng rác thải, nước thải sinh

<sup>20</sup> X.Hợp, Xử lý CTR sinh hoạt đô thị: Công nghệ nào phù hợp?, 27/9/2011

<sup>21</sup> Văn Hào, VN có 44 triệu tấn CTR phát sinh năm 2015, <http://www.vietnamplus.vn>, 09/2/2012

hoạt và hầu hết lượng vỏ bao thuốc BVTV chưa được thu gom xử lý hợp vệ sinh, xả trực tiếp ra môi trường.<sup>22</sup>

Nếu như người dân đô thị phải chịu ô nhiễm không khí do khói bụi nghiêm trọng thì người dân khu vực nông thôn phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm môi trường do CTR cũng như ô nhiễm nguồn nước và thuốc BVTV... Đã đến lúc cần gióng lên hồi chuông báo động trước thực trạng này, khi mà môi trường ô nhiễm đang là nguyên nhân khiến người dân các vùng nông thôn phải đối mặt với dịch bệnh.

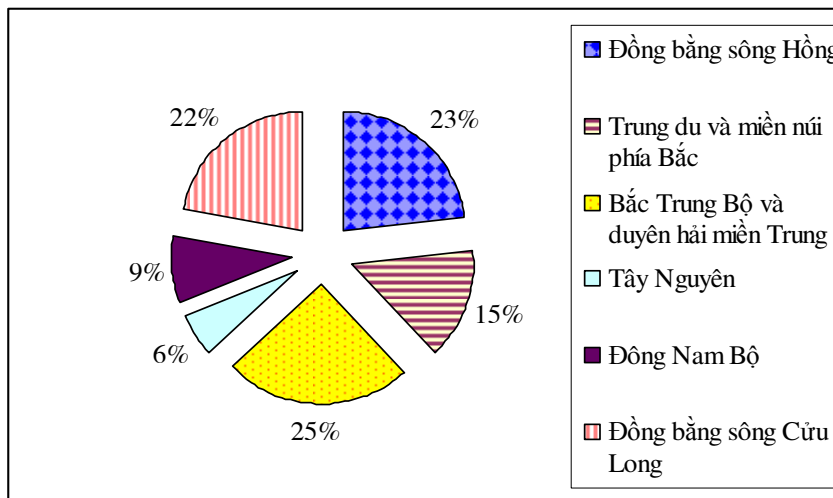
### 2.1. Ô nhiễm do chất thải rắn

Theo Bộ NN&PTNT, năm 2006, khu vực nông thôn mới chỉ thải ra môi trường khoảng 10 triệu tấn CTR, thì đến năm 2010 đã tăng lên 13,5 triệu tấn. Khu vực nông thôn có từ 30 - 40% số xã có tổ thu gom rác thải nhưng chủ yếu là các tổ thu gom tự quản, một số ít địa phương thành lập HTX dịch vụ nhưng hiệu quả còn hạn chế. Trong ngành nông nghiệp hiện cũng còn tồn đọng 701,5 kg và 3.460 lít thuốc bảo vệ cần phải tiêu hủy.

CTR ở khu vực nông thôn phát sinh từ các nguồn sau:

- *Chất thải sinh hoạt*: Mỗi năm khu vực nông thôn thải ra khoảng 6,35 triệu tấn rác sinh hoạt, tương đương trung bình mỗi người tạo ra 0,3 kg/người/ngày. Vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung và Đồng bằng sông Cửu Long có lượng rác phát sinh lớn nhất.<sup>23</sup>

**Hình 7: Tỷ lệ phát sinh CTRSH tại các vùng nông thôn Việt Nam năm 2007**



**Nguồn:** Đặng Kim Chi, CTR nông thôn, nông nghiệp và làng nghề - Thực trạng và giải pháp, <http://www.quantracmoitruong.gov.vn>, 7/2011

<sup>22</sup> Thúy Nga, Ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn: SOS!, <http://hanoimoi.com.vn>, 23/04/2012

<sup>23</sup> Đặng Kim Chi, CTR nông thôn, nông nghiệp và làng nghề - Thực trạng và giải pháp, <http://www.quantracmoitruong.gov.vn>, 7/2011

- *CTR nông nghiệp và chăn nuôi*: Một trong những nguồn thải lớn ở nông thôn là rác thải chăn nuôi. Theo thống kê của Cục Chăn nuôi, lượng CTR do vật nuôi thải ra trong năm 2008 là 80,49 triệu tấn. Miền Bắc chiếm hơn 51 triệu tấn.

+ Bao bì hóa chất BVTV, phân bón: tình trạng sử dụng phân bón hóa học, thuốc BVTV không có kiểm soát dẫn đến phát sinh chất thải vô cơ có tính nguy hại như chai lọ đựng hóa chất BVTV, vỏ bình phun hóa chất. Năm 2008, tổng lượng phân bón vô cơ các loại được sử dụng 2,4 triệu tấn/năm, theo đó, lượng bao bì thải ra môi trường khoảng 240.000 tấn/năm bao bì các loại.

+ Phụ phẩm nông nghiệp (Rơm, rạ, trấu...): Với khoảng 4 triệu ha đất trồng lúa, lượng rơm rạ thải ra lên tới 76 triệu tấn/năm.

+ CTR chăn nuôi: tổng khối lượng chất thải tương đối ổn định do số lượng các loài vật nuôi ít biến động.

- *CTR làng nghề*: CTR làng nghề gồm nhiều loại, phụ thuộc vào nguồn phát sinh, mang đặc tính của loại hình sản xuất. CTR làng nghề ngày càng đa dạng và phức tạp về thành phần, gồm thành phần chính như: phế phụ phẩm từ chế biến lương thực, thực phẩm, chai lọ thủy tinh, nhựa, nilon, vỏ bao bì đựng nguyên vật liệu, gốm sứ, gỗ, kim loại.<sup>24</sup>

### **Tình hình phân loại và thu gom CTR nông thôn**

Tại nhiều vùng nông thôn đã hình thành các mô hình thu gom rác thải do người dân, xã, thôn tự tổ chức hoặc mô hình HTX dịch vụ môi trường, công ty dịch vụ môi trường đảm nhiệm. Tuy nhiên chỉ số ít mô hình thực hiện hiệu quả, phần lớn do hình thành tự phát nên hoạt động không bền vững, hiện chưa có chính sách hỗ trợ cho các hoạt động quản lý chất thải nông thôn. Trong khi ở đô thị, các công ty dịch vụ môi trường đô thị là doanh nghiệp công ích nhà nước, 80% kinh phí hoạt động từ ngân sách cấp, 20% do dân đóng góp thì các tổ chức dịch vụ môi trường ở nông thôn kinh phí hoạt động chủ yếu từ nguồn thu phí dịch vụ môi trường do dân đóng góp... Các hoạt động tổ chức cho cộng đồng tham gia quản lý chất thải vẫn mang nặng tính phong trào, chủ yếu thực hiện trong các dịp lễ, tết mà chưa được duy trì thường xuyên. Ở nhiều địa phương có hương ước về làng văn hóa mới, trong đó quy định cụ thể về nếp sống văn hóa trong cưới hỏi, tang lễ... nhưng rất ít hương ước đề cập đến quy định về quản lý chất thải và vệ sinh môi trường.

Kết quả điều tra 30 mô hình thu gom rác thải tại 10 tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng của Viện Nước, tưới tiêu và môi trường những năm gần đây, chỉ có hai địa phương có kế hoạch triển khai thu gom vỏ bao thuốc BVTV, nhưng đều

<sup>24</sup> Đặng Kim Chi, CTR nông thôn, nông nghiệp và làng nghề - Thực trạng và giải pháp, <http://www.quantracmoitruong.gov.vn>, 7/2011



không thành công do không có kinh phí thực hiện và công tác tuyên truyền chưa sâu sát. Người dân vẫn nghĩ vô thuốc BVTV là loại rác thông thường nên vứt bỏ ở đâu không quan trọng.<sup>25</sup>

- *CTR sinh hoạt*

Khoảng 30% rác thải sinh hoạt nông thôn được thu gom, việc thu gom rác còn rất thô sơ bằng các xe cải tiến, chuyên chở về những nơi tập trung rác. Nhiều xã không quy hoạch bãi rác tập trung, không có bãi rác công cộng, không có người và phương tiện chuyên chở rác. Chính vì vậy, các hộ gia đình phải tự xử lý rác thải và các bãi rác tự phát xuất hiện. Đối với các huyện, xã có quy hoạch bãi rác: các hộ chưa có ý thức đổ rác theo quy định.

Bên cạnh đó, CTRSH nông thôn chủ yếu được xử lý bằng phương pháp chôn lấp. Tuy nhiên, chỉ có 12 tỉnh/TP có bãi chôn lấp hợp vệ sinh hoặc đúng kỹ thuật, hầu hết là bãi rác hở và dễ phân hủy tự nhiên.

- *CTR từ sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi*

+ Bao bì hóa chất BVTV, phân bón hóa học: việc phân loại, thu gom gặp nhiều khó khăn, các địa phương đều chưa có công nghệ xử lý bao bì thuốc BVTV, thường đem đốt hoặc chôn lấp ở xa khu dân cư. Chưa có mô hình phù hợp với đặc thù sản xuất nhỏ, phân tán như ở Việt Nam. Chỉ có 38,28% dân địa phương được trang bị thùng chứa bao bì thuốc BVTV.

+ Phụ phẩm nông nghiệp: (Rơm rạ, trấu...) phần lớn được đốt ngay tại ruộng, rồi dùng tro bón ruộng, phổ biến ở các vùng Bắc Bộ (Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình...), ĐBSCL. Điều này lãng phí và gây ô nhiễm môi trường do khói bụi và các nguy cơ cháy nổ. Hoặc được xả bừa bãi trên đường giao thông, đổ lấp xuống các kênh mương, ao hồ...

+ CTR chăn nuôi: Ước tính hiện nay, chỉ có khoảng 40-70% CTR chăn nuôi được xử lý. Số còn lại thải thẳng ra ao, hồ, kênh, rạch... Hiện nay, phương pháp xử lý CTR còn đơn giản. Chủ yếu tận dụng làm thức ăn cho cá, ủ phân hoai mục để bón cho lúa, hoa màu hoặc để nuôi giun... Chất thải lỏng trong chăn nuôi cũng đang trong tình trạng bị bỏ ngỏ. Thông qua các dự án về khí sinh học, một phần CTR và lỏng được xử lý bằng công nghệ biogas. Tuy vậy, số gia đình có hầm biogas chưa nhiều. Trên cả nước có khoảng 150.000 công trình khí sinh học đã được xây dựng

- *CTR làng nghề*

CTR từ các làng nghề hầu hết chưa được thu gom, phân loại và xử lý triệt để, thành phần có nhiều chất nguy hại. Hơn thế, nhiều làng nghề xả thải trực tiếp

<sup>25</sup> Thúy Nga, Ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn: SOS!, <http://hanoimoi.com.vn>, 23/04/2012

ra môi trường gây ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước, tác động xấu đến cảnh quan. Mặc dù trong những năm gần đây công tác thu gom vận chuyển CTR làng nghề được chính quyền các địa phương quan tâm nhưng chưa đáp ứng hết yêu cầu.<sup>26</sup>

## 2.2. Ô nhiễm không khí

Ô nhiễm môi trường không khí ở khu vực nông thôn chủ yếu phát sinh từ các làng nghề. Cùng với sự ra đời ồ ạt các khu, cụm, điểm công nghiệp, các làng nghề thủ công truyền thống cũng có sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ. Theo thống kê của Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, hiện nay cả nước có 2.790 làng nghề, trong đó có 240 làng nghề truyền thống, đang giải quyết việc làm cho khoảng 11 triệu lao động, bao gồm cả lao động thường xuyên và lao động không thường xuyên. Các làng nghề được phân bố rộng khắp cả nước, trong đó các khu vực tập trung phát triển nhất là Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Tây Bắc Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long. Riêng ở Đồng bằng sông Hồng có 866 làng nghề, chiếm 42,9% cả nước. Hình thức các đơn vị sản xuất của làng nghề rất đa dạng, có thể là gia đình, hợp tác xã hoặc doanh nghiệp. Việc phát triển các làng nghề có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết việc làm ở các địa phương.

Tuy nhiên, do sản xuất mang tính tự phát, sử dụng công nghệ thủ công lạc hậu, chập vá, mặt bằng sản xuất chật chội, việc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải ít được quan tâm, ý thức BVMT sinh thái của người dân làng nghề còn kém, bên cạnh đó lại thiếu một cơ chế quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng của Nhà nước, chưa có những chế tài đủ mạnh đối với những hộ làm nghề thủ công gây ô nhiễm môi trường và cũng chưa kiên quyết loại bỏ những làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, nên tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề ngày càng trầm trọng và hiện nay đã ở mức “báo động đỏ”. Tình trạng ô nhiễm không khí, chủ yếu là do nhiên liệu sử dụng trong các làng nghề là than, lượng bụi và khí CO, CO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub> và NO<sub>x</sub> thải ra trong quá trình sản xuất khá cao. Hoạt động gây ô nhiễm môi trường sinh thái tại các làng nghề không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống, sinh hoạt và sức khỏe của những người dân làng nghề mà còn ảnh hưởng đến cả những người dân sống ở vùng lân cận, gây phản ứng quyết liệt của bộ phận dân cư này, làm nảy sinh các xung đột xã hội gay gắt.<sup>27</sup>

<sup>26</sup> Đặng Kim Chi, CTR nông thôn, nông nghiệp và làng nghề - Thực trạng và giải pháp, <http://www.quantracmoitruong.gov.vn>, 7/2011

<sup>27</sup> Trần Đức Hiến, Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay – Thực trạng và một số giải pháp khắc phục, <http://www.moitruong.com.vn>, 24/03/2011

Bên cạnh đó, việc đốt phụ phẩm nông nghiệp như rơm, rạ... cũng góp phần gây ô nhiễm môi trường không khí ở nông thôn.

### 2.3. Ô nhiễm nước thải

Không chỉ rác thải mà môi trường nông thôn còn đang đối mặt với tình trạng ô nhiễm nước thải nghiêm trọng. Do nhu cầu phát triển kinh tế, người dân nông thôn mở rộng quy mô chuồng trại nhưng vẫn áp dụng phương thức chăn nuôi truyền thống, phân và nước thải gia súc chưa qua xử lý được xả trực tiếp ra các kênh rạch, ao hồ, gây ô nhiễm nguồn nước mặt nghiêm trọng. Đây chính là môi trường thuận lợi để ruồi, muỗi, các ký sinh trùng gây bệnh phát sinh. Hơn thế, nước thải chăn nuôi còn ngấm vào nguồn nước ngầm, gây ô nhiễm nguồn nước này, nguy cơ bùng phát các loại dịch bệnh cao.

Không chỉ ở những con kênh, người dân nhiều vùng nông thôn còn “tự quy hoạch” bãi rác bên lề đường, ngõ xóm. Trong khi, dịch vụ vệ sinh môi trường ở đây chưa phát triển. Nguyên nhân của tình trạng trên phần nhiều do ý thức của người dân chưa cao, thói quen vứt rác bừa bãi, tâm lý coi việc giữ gìn vệ sinh môi trường là việc của xã hội. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe con người và cũng ảnh hưởng đến cảnh quan nông thôn.<sup>28</sup>

### 2.4. Ô nhiễm đất do sử dụng thuốc BVTV

Thói quen trong canh tác và lạm dụng thuốc BVTV của bà con nông dân đã và đang khiến đồng ruộng ở nhiều địa phương bị ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng tới năng suất cây trồng và sức khỏe cộng đồng. Các hóa chất này có đặc điểm là rất độc đối với mọi sinh vật, tồn dư lâu dài trong môi trường đất và nước gây ra ô nhiễm. Tác dụng gây độc không phân biệt, nghĩa là, gây chết tất cả những sinh vật có hại và có lợi trong môi trường đất, nước. Ngoài ra, còn phải kể đến một khối lượng lớn bao bì chứa chất gây hại đến sức khỏe con người vứt tràn lan ở bờ ruộng, bờ mương, sông ngòi sẽ ngấm dần vào nguồn nước ngầm...

Ngoài tác động trực tiếp của quá trình canh tác, môi trường nông nghiệp còn chịu tác động của các hoạt động sản xuất công nghiệp, sinh hoạt. Nhiều diện tích đất sản xuất nông nghiệp đã chuyển đổi để xây dựng nhà máy, xí nghiệp, các khu, cụm công nghiệp, làng nghề. Nhưng do thiếu quy hoạch nên thường nằm xen kẽ với diện tích canh tác nông nghiệp. Chất thải trong quá trình sản xuất, trong đó có không ít chất thải chưa qua xử lý, hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường với hàm lượng các chất độc hại cao, ảnh hưởng tới sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Một số chất còn ngấm vào thực vật và tồn tại dưới dạng hoá chất có thể gây hại đối với con người.<sup>29</sup>

<sup>28</sup> Đỗ Phương, Báo động ô nhiễm môi trường nông thôn, 13/08/2011

<sup>29</sup> Đỗ Phương, Báo động ô nhiễm môi trường nông thôn, 13/08/2011

### **3. Ô nhiễm môi trường ở các khu công nghiệp**

Theo đà phát triển kinh tế, những KCN, khu chế xuất ngày càng mọc lên nhiều ở Việt Nam. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với hàng chục ngàn nhà máy nằm trong các KCN đang hoạt động sản xuất. Hiện nay, ở các KCN, tình trạng ô nhiễm không khí, nguồn nước rác thải hết sức nghiêm trọng.

#### **3.1. Ô nhiễm nguồn nước**

Theo Báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT), tính đến hết năm 2008, cả nước có khoảng trên 200 KCN. Ngoài ra, còn có hàng trăm cụm, điểm công nghiệp được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập.

Theo kết quả kiểm tra của Bộ TN&MT, hiện có đến 40% các KCN trên cả nước vi phạm pháp luật về môi trường. Trong khi đó, theo kết quả điều tra của Bộ Công thương, trong số 154 KCN đang hoạt động trên toàn quốc, chỉ có 39 KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung (chiếm 25,3%). Điều đó có nghĩa là khoảng 70% trong số hơn một triệu m<sup>3</sup> nước thải/ngày không qua xử lý từ các KCN được xả thẳng ra các nguồn tiếp nhận và gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường nước mặt.

Ở miền Bắc, ngoài các KCN Phú Minh, Quang Minh (Hà Nội), Thụy Vân (Phú Thọ)... gây bức xúc trong dư luận vì hành vi xả thải ra môi trường, thì riêng trong năm 2010, các đoàn kiểm tra của Tổng cục Môi trường đã phát hiện, có bốn khu đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng chưa đạt yêu cầu và bảy KCN xả nước thải vượt quy chuẩn. Đáng chú ý, một đơn vị xả nước thải vượt quy chuẩn trên mười lần và ba đơn vị xả thải vượt quy chuẩn từ 2-5 lần.<sup>30</sup>

Theo Sở TN&MT Quảng Ngãi, tính đến thời điểm giữa tháng 6/2011, có đến 75% cơ sở sản xuất trong các KCN trên địa bàn tỉnh không có hệ thống xử lý nước thải cục bộ. Phần lớn nước thải từ các cơ sở sản xuất thải thẳng vào hệ thống thu gom nước thải của KCN nên mức độ ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 3 KCN tập trung, tổng quy mô khoảng 610 ha, trong đó có 2 KCN đang hoạt động là Quảng Phú và Tịnh Phong, thu hút 80 dự án đầu tư, trong đó có 60 dự án đã đi vào hoạt động, với các ngành nghề sản xuất chính như vật liệu xây dựng, nông lâm, thủy hải sản, may mặc, nước giải khát,...nhưng chỉ có KCN Quảng Phú đang tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 4.500m<sup>3</sup>/ngày đêm.<sup>31</sup>

<sup>30</sup> K.H, 40% khu công nghiệp vi phạm về môi trường, <http://www.congan.com.vn>, 13/05/2011

<sup>31</sup> Nguyễn Đăng Lâm, Quảng Ngãi: 75% cơ sở sản xuất tại các khu công nghiệp không có hệ thống xử lý nước thải cục bộ, <http://www.monre.gov.vn>, 22/6/2011

Còn tại TP.HCM, Sở TN&MT thành phố cho biết, trong số 450 doanh nghiệp được điều tra có 269 doanh nghiệp không có hệ thống xử lý nước thải, chiếm tỷ lệ 60%. Trong đó, tập trung nhiều nhất là quận Phú Nhuận, kể đến là các quận huyện như Bình Chánh, quận 2, Bình Thạnh, quận 7, Thủ Đức, Hóc Môn, Gò Vấp, Bình Tân, Nhà Bè, quận 9, quận 4, Tân Phú, Củ Chi, Tân Bình... Kết quả kiểm tra cũng cho thấy, với những doanh nghiệp đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải nhưng chất lượng nước thải sau xử lý vẫn vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép nhiều lần. Toàn bộ lượng chất thải của các doanh nghiệp này đều đổ ra sông Sài Gòn, gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước cấp phục vụ sinh hoạt của người dân TP.HCM.<sup>32</sup> Thanh tra Sở TN&MT TP.HCM cũng đã công bố hàng loạt KCN xả thải gây ô nhiễm môi trường. Điển hình là các KCN Cát Lái 2, Hiệp Phước, Tân Tạo, Tân Thới Hiệp, Tây Bắc Củ Chi và Bình Chiểu, với lưu lượng nước xả thải trên 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Tại Bình Dương, đoàn thanh tra Bộ TN&MT đã phát hiện 14 trong tổng số 21 KCN tại địa phương này xả thải gây ô nhiễm môi trường. Trong đó, 8 khu xả thải vượt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất thải cho phép hơn 10 lần gồm: Bình Đường, Sóng Thần 2, Tân Đông Hiệp A, Tân Đông Hiệp B, Đồng An 1, Mỹ Phước 3, Nam Tân Uyên và Việt Hương 2; 3/21 khu xả thải vượt chuẩn cho phép từ 5 đến dưới 10 lần gồm VSIP 2, Mỹ Phước 1, Mai Trung...

Tại Bà Rịa – Vũng Tàu, Đoàn thanh tra Bộ TN&MT đã phát hiện 2 KCN xả nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép là Phú Mỹ 1 và Mỹ Xuân A2. Tại "điểm nóng" Tân Hải, huyện Tân Thành, trong 22 doanh nghiệp chế biến hải sản thì chỉ có 2 doanh nghiệp có hệ thống xử lý có nước thải đạt yêu cầu. Trước đó, từ cuối năm 2010 và đầu năm 2011, khi tái kiểm tra 19 cơ sở chế biến hải sản, Sở TN&MT Bà Rịa - Vũng Tàu đã phát hiện 17 doanh nghiệp chưa hoàn thành hệ thống xả thải BVMT và xử phạt các doanh nghiệp trên 911 triệu đồng.<sup>33</sup>

Còn tại Long An, theo Thanh tra Bộ TN&MT, tất cả KCN đã đi vào hoạt động trên địa bàn tỉnh Long An đều xả thải vượt quy chuẩn cho phép. Qua thanh tra 12 KCN, 8 cụm công nghiệp, đoàn đã phát hiện có 11 KCN và 7 cụm công nghiệp vi phạm các quy định của pháp luật về BVMT. Trong đó, bê bối nhất là KCN Xuyên Á. Ở KCN này có trên 30 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó gần phân nửa phát sinh chất thải gây ô nhiễm nặng, đặc biệt là gần 10 đơn vị hành nghề dệt nhuộm, xeo giấy, xi mạ, pha trộn thuốc trừ sâu... Tổng lượng nước thải phát sinh của cả khu này lên đến trên 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm nhưng các cơ quan địa phương nhiều lần phát hiện nhà máy xử lý nước thải của KCN

<sup>32</sup> Minh Xuân, TPHCM: 60% doanh nghiệp được kiểm tra không có hệ thống xử lý nước thải, <http://www.sggp.org.vn>, 18/05/2011

<sup>33</sup> K.H, 40% khu công nghiệp vi phạm về môi trường, <http://www.congan.com.vn>, 13/05/2011

không đủ sức “cáng đàng” hết lượng nước thải. Đây là nguyên nhân khiến nước thải của các doanh nghiệp sản xuất từ hệ thống cống thu gom nước thải chảy tràn ra hệ thống thoát nước mưa sau đó đổ vào kênh Ranh.

Nhiều KCN ở Long An nằm giáp ranh với TP.HCM. Nước thải từ các KCN này đổ ra kênh Ranh hoặc kênh Thầy Cai với khối lượng rất lớn. Do vậy, nếu nước thải không được xử lý đạt chuẩn thì tuyến kênh Thầy Cai - An Hạ của TP.HCM sẽ bị ô nhiễm như kênh Ba Bò nằm giáp ranh giữa TP.HCM và Bình Dương.<sup>34</sup>

Theo nhận định của Bộ TN&MT, hiện nay, vấn đề ô nhiễm nước mặt, nước ngầm đang ngày trở nên nghiêm trọng, đặc biệt tại các lưu vực Sông Cầu, Sông Nhuệ, Sông Đáy, hệ thống Sông Đồng Nai - Sài Gòn, Sông Thị Vải. Nước ngầm cũng đã có hiện tượng bị ô nhiễm asen, sắt và nhiễm mặn cục bộ. Đặc biệt, các vùng ven biển hiện nay và ngay cả vùng trong đất liền cũng đã bị nhiễm mặn. Môi trường trầm tích tại một số vùng biển đã có dấu hiệu ô nhiễm.

Bình quân mỗi ngày, các khu, cụm, điểm công nghiệp thải ra khoảng 30.000 tấn CTR, lỏng, khí và chất thải độc hại khác. Tại Hội nghị triển khai Đề án BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai ngày 26/2/2008, các cơ quan chuyên môn đều có chung đánh giá: nguồn nước thuộc lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai hiện đang bị ô nhiễm nặng, không đạt chất lượng nước mặt dùng làm nguồn cấp nước sinh hoạt. Theo số liệu khảo sát do Chi cục BVMT phối hợp với Công ty Cấp nước Sài Gòn thực hiện năm 2008 cho thấy, lượng NH<sub>3</sub>, chất rắn lơ lửng, ô nhiễm hữu cơ (đặc biệt là ô nhiễm dầu và vi sinh) tăng cao tại hầu hết các rạch, cống và các điểm xả. Có khu vực, hàm lượng nồng độ NH<sub>3</sub> trong nước vượt gấp 30 lần tiêu chuẩn cho phép (như cửa sông Thị Tịch); hàm lượng chì trong nước vượt tiêu chuẩn quy định nhiều lần; chất rắn lơ lửng vượt tiêu chuẩn từ 3 - 9 lần... Tác nhân chủ yếu của tình trạng ô nhiễm này chính là trên 9.000 cơ sở sản xuất công nghiệp nằm phân tán, nằm xen kẽ trong khu dân cư trên lưu vực sông Đồng Nai. Bình quân mỗi ngày, lưu vực sông phải tiếp nhận khoảng 48.000m<sup>3</sup> nước thải từ các cơ sở sản xuất này. Dọc lưu vực sông Đồng Nai, có 56 KCN, khu chế xuất đang hoạt động nhưng chỉ có 21 khu có hệ thống xử lý nước thải tập trung, số còn lại đều xả trực tiếp vào nguồn nước, gây tác động xấu đến chất lượng nước của các nguồn tiếp nhận. Có nơi, hoạt động của các nhà máy trong KCN đã phá vỡ hệ thống thủy lợi, tạo ra những cánh đồng hạn hán, ngập úng và ô nhiễm nguồn nước tưới, gây trở ngại rất lớn cho sản xuất nông nghiệp của bà con nông dân.

---

<sup>34</sup> Các khu công nghiệp Long An xả thải vượt chuẩn, <http://moitruong.xaydung.gov.vn>

Ô nhiễm môi trường đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ con người. Các bệnh tật nảy sinh từ việc sử dụng nước không đảm bảo vệ sinh, bị ô nhiễm hiện nay vẫn là nguyên nhân chính gây bệnh và tử vong cao ở trẻ em Việt Nam. Do ô nhiễm bụi trong môi trường lao động ở các KCN cao, nên tỷ lệ công nhân bị mắc bệnh phổi silic ở một số ngành, nghề khá cao. Theo kết quả điều tra tại 275 doanh nghiệp thuộc các ngành hoá chất, cơ khí, luyện kim và vật liệu xây dựng, có 23% số cơ sở này có nồng độ các chất khí độc hại vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,5 cho đến 50 lần, gây ra các chứng bệnh về đường hô hấp, về mắt và hệ thần kinh.

### 3.2. Ô nhiễm môi trường đất

Về môi trường đất, kết quả của một số khảo sát cho thấy hàm lượng kim loại nặng trong đất gần các KCN đã tăng lên trong những năm gần đây. Như tại cụm công nghiệp Phước Long (Bình Phước) hàm lượng Cr cao gấp 15 lần so với tiêu chuẩn, Cd cao từ 1,5 đến 5 lần, As cao hơn tiêu chuẩn 1,3 lần.<sup>35</sup> Thuốc BVTV cũng gây ảnh hưởng đến đất. Mặc dù khối lượng thuốc BVTV được sử dụng ở Việt nam còn ít, trung bình từ 0,5-1,0 kg/ha/năm, tuy nhiên, ở nhiều nơi đã phát hiện dư lượng thuốc BVTV trong đất.

### 3.3. Ô nhiễm do chất thải rắn

Theo thống kê, lượng chất thải công nghiệp nguy hại phát sinh hằng năm tại 3 vùng kinh tế trọng điểm khá lớn (khoảng 113.118 tấn), đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Năm 2007, Cục BVMT đã kiểm tra tổng cộng 384 cơ sở, 47 KCN và 7 làng nghề trên địa bàn 41 tỉnh/thành phố trên phạm vi toàn quốc bao gồm Lào Cai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, TP HCM, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, Sóc Trăng... Qua kiểm tra, đã phát hiện 69 cơ sở gây ô nhiễm môi trường và 47 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Theo dự báo, tại TP.HCM và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đến năm 2010, nếu tất cả các KCN đều sử dụng hết diện tích, thì các xí nghiệp sẽ thải ra một lượng CTR lên tới khoảng 3.500 tấn/ngày tức lớn gấp 29 lần so với hiện nay, trong đó có khoảng 700 tấn chất thải độc hại.

Nhìn chung, hầu hết các khu, cụm, điểm công nghiệp trên cả nước chưa đáp ứng được những tiêu chuẩn về môi trường theo quy định. Thực trạng đó làm cho môi trường sinh thái ở một số địa phương bị ô nhiễm nghiêm trọng. Cộng đồng dân cư, nhất là các cộng đồng dân cư lân cận với các KCN, đang phải đối

<sup>35</sup> Cr,Cd,As: các chất hoá học độc hại

mặt với thảm họa về môi trường. Họ phải sống chung với khói bụi, uống nước từ nguồn ô nhiễm chất thải công nghiệp...<sup>36</sup>

Theo ước tính, ở các nước đang phát triển như Việt Nam, nếu không có các giải pháp BVMT thích hợp, thì cứ GDP tăng gấp đôi là mức độ ô nhiễm môi trường sẽ tăng từ ba đến bốn lần. Tỷ lệ này đặt ra một thách thức lớn cho quá trình phát triển của Việt Nam. Ô nhiễm môi trường là một cái giá phải trả của quá trình CNH – HĐH, cái giá này đặc biệt đắt nếu trong quá trình phát triển chúng ta bỏ qua hoặc không chú ý đúng mức đến công tác BVMT. Vì vậy, một đòi hỏi tất yếu cho Việt Nam là phải giải quyết hài hòa vấn đề BVMT với yêu cầu tăng trưởng trong thực hiện CNH – HĐH đất nước.

#### **4. So sánh với các nước Đông Nam Á**

Theo báo cáo xếp hạng môi trường mới được Trung tâm nghiên cứu Môi trường của trường Đại học Yale và Columbia của Mỹ công bố tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới ở Davos vào tháng 02/2012 vừa qua, trong số 9 quốc gia Đông Nam Á được đánh giá, Việt Nam có chỉ số chất lượng môi trường EPI thấp nhất (Bảng 3). Điều này cho thấy, chất lượng môi trường của Việt Nam, đặc biệt là chất lượng môi trường không khí là thấp nhất trong khu vực Đông Nam Á.

Trong khu vực này, nước có chỉ số EPI xếp hạng cao nhất là Malaysia, với thứ hạng 25. Trong một năm qua, nước này đã qua mặt quốc đảo Singapore để dẫn đầu khu vực về việc thực hiện các chính sách BVMT, đẩy nước láng giềng xuống thứ hạng dưới, ở mức 52.<sup>37</sup>

**Bảng 3: Xếp hạng EPI các quốc gia Đông Nam Á**

STT	Quốc gia	EPI
1	Malaysia	25
2	Brunei	26
3	Thái Lan	34
4	Philippines	42
5	Singapore	52
6	Campuchia	59
7	Myanmar	69
8	Indonesia	74
9	Việt Nam	79

*Nguồn:* Tổng hợp từ Báo cáo EPI 2012, Đại học Yale và Columbia

<sup>36</sup> TS. Trần Đắc Hiền, Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay – Thực trạng và một số giải pháp khắc phục, <http://www.khucongnghep.com.vn>, 08/01/2010

<sup>37</sup> Trang Nguyễn, Không khí ở Việt Nam bản thứ 10 thế giới, <http://vnexpress.net>, 06/02/2012



## **II. Kinh nghiệm của một số nước về phòng, chống ô nhiễm, phá hoại môi trường, bồi bổ và tô điểm môi trường, thực hiện phát triển xanh**

### ***1. Pháp luật về bảo vệ môi trường – kinh nghiệm Singapore***

Chính phủ Singapore đã coi nhiệm vụ BVMT sinh thái là một nhiệm vụ chiến lược trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ nước này đã tiến hành nhiều biện pháp kiểm soát và bảo vệ, trong đó có các biện pháp pháp lý bao gồm việc ban hành các đạo luật liên quan đến môi trường cùng các biện pháp thi hành các chế tài dân sự, hành chính và tăng cường áp dụng các biện pháp hình sự đối với các vi phạm pháp luật về môi trường. Kinh nghiệm Singapore trong vấn đề BVMT có thể học tập trên cả hai khía cạnh lập pháp và hành pháp.

**Thứ nhất**, nhằm bảo đảm cho việc kiểm soát và BVMT ở Singapore, một loạt các văn bản liên quan đến pháp luật về môi trường được ban hành, bao gồm:

*Đạo luật về môi trường và sức khoẻ cộng đồng*: Đạo luật này bao hàm các vấn đề về tiếng ồn, vệ sinh công cộng, CTR, chất thải độc hại và việc kiểm soát kinh doanh thực phẩm, chôn cất, hoả táng cũng như quản lý các bể bơi. Để thi hành Đạo luật này có 14 văn bản hướng dẫn thi hành.

*Đạo luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường*: Đạo luật này điều chỉnh các vấn đề liên quan đến việc kiểm soát ô nhiễm môi trường và các hoạt động có mục đích liên quan đến việc kiểm soát ô nhiễm môi trường.

*Đạo luật về hệ thống cống tiêu thoát nước*: Đạo luật này được ban hành nhằm điều chỉnh việc xây dựng, duy trì và cải tạo nâng cấp các hệ thống cống rãnh và hệ thống tiêu thoát nước dưới mặt đất điều chỉnh việc xử lý nước thải thương mại cũng như các vấn đề liên quan đến các hoạt động nêu trên.

*Đạo luật về xuất nhập khẩu, quá cảnh chất thải nguy hiểm*: Đạo luật này điều chỉnh việc xuất nhập khẩu và quá cảnh chất thải nguy hiểm và các chất khí thải khác.

**Thứ hai**, để đảm bảo cho các đạo luật có hiệu lực thi hành trên thực tế, thì các biện pháp cưỡng chế là không thể thiếu, do đó pháp luật về môi trường của Singapore cũng đã đặt ra các biện pháp cưỡng chế khác nhau cho các mức vi phạm pháp luật về môi trường như sau:

#### *Biện pháp xử lý hình sự*

Pháp luật môi trường Singapore lấy chế tài hình sự là công cụ cơ bản để thực thi, biện pháp này được áp dụng đối với người bị kết án phạt tiền, phạt tù, bắt bồi thường và đối với những vi phạm nhỏ thì phạt cải tạo lao động bắt buộc (chỉ áp dụng với những bị cáo đủ 16 tuổi trở lên và đủ tiêu chuẩn y tế). Cụ thể là:

+ Hình phạt tiền: Đây là hình phạt phổ biến nhất trong các đạo luật về môi trường của Singapore, phạt tiền được xem là công cụ hữu hiệu trong việc tăng cường hiệu lực pháp luật về BVMT của Singapore. Theo các đạo luật ở Singapore thì có nhiều mức độ vi phạm tiền khác nhau, tùy thuộc vào các đạo luật khác nhau và mức độ nguy hiểm của hành vi gây ra. Ví dụ trường hợp đổ rác nơi công cộng, nếu bị Tòa án kết tội thì người vi phạm sẽ bị phạt đến 10.000\$ với vi phạm lần đầu và nếu tái phạm sẽ bị phạt tới 20.000\$.

Ngoài ra, các đạo luật về môi trường của Singapore cũng quy định phạt tiền một cách rất linh hoạt đối với các vi phạm ít nghiêm trọng, đó là việc cho phép người vi phạm trả một khoản tiền thích hợp cho Bộ Môi trường Singapore và vụ việc sẽ tự kết thúc mà không phải đưa ra Tòa.

+ Hình phạt tù: Đây là chế tài nghiêm khắc nhất nhằm trừng trị những người vi phạm ngoan cố, khi mà các hành vi phạm tội có thể mang lại cho người phạm tội những khoản lợi nhuận lớn nếu họ không bị phát hiện và hình phạt tiền vẫn không ngăn chặn được các hành vi mà người đó gây ra. Ví dụ: theo Đạo luật về môi trường sức khỏe cộng đồng và Đạo luật kiểm soát ô nhiễm thì những người vi phạm lần đầu bị buộc tội về hành vi đưa chất thải hoặc các chất độc hại vào nguồn nước ngầm có thể bị phạt tù đến 12 tháng. Đối với những người tái phạm thì có thể bị phạt tù với chế độ khắc nghiệt từ 1 đến 12 tháng.

+ Tạm giữ và tịch thu: Một số luật về môi trường quy định về việc tạm giữ và tịch thu các công cụ, phương tiện được sử dụng vào việc phạm tội. Ngoài ra, nếu trường hợp thực phẩm không phù hợp cho con người có thể bị tịch thu và tiêu hủy theo Đạo luật về môi trường và sức khỏe cộng đồng và Đạo luật về mua bán thực phẩm.

+ Lao động cải tạo bắt buộc: Lao động cải tạo bắt buộc là biện pháp mà qua thực tiễn thực thi pháp luật về môi trường ở Singapore cho thấy đây là một biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn các vi phạm nhỏ, những người vi phạm đã bị áp dụng hình phạt lao động cải tạo bắt buộc ít khi lặp lại hành vi đã vi phạm, đặc biệt rất ít người tái phạm.

Bên cạnh các quy định cụ thể nêu trên, pháp luật về môi trường của Singapore cũng xác định trách nhiệm tuyệt đối với việc phạm tội mà có thể là nguyên nhân gây hại đối với môi trường hoặc sức khỏe của cộng đồng nói chung, trong một số trường hợp tòa án có thể phán quyết về hành vi phạm tội đã được thực hiện không cần công tố phải chứng minh bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi đó.

*Biện pháp hành chính*

Tuy pháp luật Singapore xem chế tài hình sự là quan trọng nhất trong việc BVMT nhưng không vì thế mà xem nhẹ các chế tài hành chính và dân sự bởi nếu chỉ riêng chế tài hình sự thì không thể BVMT một cách có hiệu quả. Không giống như các chế tài hình sự và dân sự thường là các biện pháp tức thời, các chế tài hành chính thường có hiệu lực trong việc bảo đảm các biện pháp liên tục. Một số chế tài hành chính đã được chấp nhận là các kế hoạch sử dụng đất, giấy phép và việc ban hành các mệnh lệnh thông báo. Cụ thể là:

+ Kế hoạch sử dụng đất: Việc lập kế hoạch sử dụng đất trong kiểm soát môi trường cơ bản có tính chất phòng ngừa. Các khu vực dành cho công nghiệp nặng, công nghiệp vừa và công nghiệp làm sạch được phân ranh giới rõ ràng. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Môi trường và các cơ quan liên quan như Ủy ban tái phát triển đô thị và Cục kiểm soát xây dựng.

+ Giấy phép, giấy chứng nhận: Việc cấp giấy phép và giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của Bộ Môi trường nhằm đảm bảo kiểm soát và quản lý chặt chẽ các hoạt động có khả năng tác động có hại tới môi trường. Cụ thể là trước khi một hoạt động được phép tiến hành, Bộ Môi trường phải đảm bảo là hoạt động đó sẽ không gây ra tác hại gì cho môi trường. Ví dụ về Đạo luật kiểm soát ô nhiễm về môi trường, các hoạt động công nghiệp có khả năng gây ô nhiễm không khí đều phải được phép của Bộ Môi trường trước khi công việc được triển khai.

+ Thông báo và lệnh: Thông báo và lệnh được áp dụng trong trường hợp người chủ sở hữu hoặc quản lý một tài sản không tuân thủ các quy định tiêu chuẩn hoặc điều kiện về môi trường được quy định trong các đạo luật liên quan. Thông báo và lệnh này sẽ yêu cầu chủ sở hữu hoặc quản lý tài sản phải tuân thủ các yêu cầu đặt ra trong đó. Nếu không thực hiện các yêu cầu đó, chủ sở hữu hoặc quản lý phải chịu trách nhiệm trước tòa án và phải chịu hình phạt.

Bên cạnh các quy định về thông báo và lệnh để đảm bảo yếu tố dân chủ trong việc thực thi pháp luật trong nhiều đạo luật khác nhau, người nhận được lệnh hoặc thông báo nếu không đồng ý với yêu cầu đề ra trong đó thì sẽ nộp đơn phản đối. Đơn phản đối đó sẽ được Bộ trưởng Bộ có liên quan quyết định: giữ nguyên, thay đổi hoặc bãi bỏ lệnh hoặc thông báo đề ra. Quyết định này của Bộ trưởng là quyết định cuối cùng (Điều 93 Luật về môi trường sức khỏe cộng đồng).

Ngoài ra, chế tài hành chính còn thực hiện chức năng giám sát nhằm đảm bảo hạn chế tiếng ồn tại các công trường không được vượt quá giới hạn cho phép. Nếu có tiếng khiếu nại từ phía dân chúng, Bộ Môi trường phải tiến hành đánh giá độc lập về mức độ tiếng ồn. Nếu tiếng ồn vượt quá mức độ quy định, thì chủ sở hữu, người quản lý công trường xây dựng có liên quan, căn cứ vào

chứng cứ đã có quản chi một khoản tiền phạt tối đa là 2.000USD, nếu tái phạm phải nộp 100USD cho mỗi ngày tái phạm tiếp theo.

Do tính cấp thiết của pháp luật về môi trường cho nên trong các Đạo luật về môi trường cũng đã trao cho Bộ Môi trường một số quyền hạn để thực thi các công việc khẩn cấp, nhằm thi hành ngay bất kỳ nhiệm vụ nào nếu nhiệm vụ đó là cấp bách đối với sự an toàn xã hội, sức khoẻ hay dịch vụ cộng đồng (Điều 90 Luật BVMT).

### *Biện pháp dân sự*

Bên cạnh các chế tài về Hình sự và Hành chính, các Đạo luật môi trường Singapore cũng quy định nhiều hình thức chế tài dân sự. Cụ thể như: Yêu cầu cá nhân gây ô nhiễm phải nộp phạt, bồi thường thiệt hại, chi phí và các khoản phí tổn mà cơ quan có thẩm quyền phải chịu để làm sạch môi trường... Theo Điều 97 của Luật BVMT của Singapore thì Chính phủ có thể thu giữ lại từ người sở hữu hoặc quản lý tài sản các phí tổn và chi phí đã được sử dụng trong quá trình thực hiện bất kỳ nào đã được quy định trong luật. Trong vòng 14 ngày theo quy định, nếu chi phí này chưa được thanh toán thì vụ việc sẽ được đưa ra Tòa.

Từ một số vấn đề nêu trên cho ta thấy sở dĩ môi trường Singapore trở nên sạch, đẹp và để có được một Singapore là “thành phố của cây xanh” phải có rất nhiều yếu tố, nhưng chính pháp luật về môi trường được quy định một cách toàn diện là công cụ hữu hiệu nhất để đảm bảo sự sạch, đẹp cho môi trường Singapore.<sup>38</sup>

## ***2. Tăng trưởng xanh - Kinh nghiệm Hàn Quốc***

Hàn Quốc là một đất nước không giàu tài nguyên, 97% tổng nhu cầu năng lượng lệ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu. Quốc gia này cũng phải đối mặt với vấn đề thiếu nước sạch trong thời gian dài, đặc biệt là trong điều kiện tác động của biến đổi khí hậu ngày nay.

Nhằm giải quyết các khó khăn và thách thức của đất nước, năm 2008, Hàn Quốc đã công bố Chiến lược quốc gia về “tăng trưởng xanh, các-bon thấp”, chuyển dịch sang mô hình phát triển “nền kinh tế xanh”. Đây được xem như một tầm nhìn mới, chiến lược của tương lai và sẽ tạo ra “điều kỳ diệu trên bán đảo Triều Tiên” tiếp nối “điều kỳ diệu trên sông Hàn”.

Những điểm chính trong Chiến lược Tăng trưởng xanh của Hàn Quốc: (1) Thích ứng với biến đổi khí hậu; (2) Giảm phát thải khí nhà kính một cách hiệu quả; (3) Giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch; (4) Phát triển công nghệ xanh; (5) Xanh hoá các ngành công nghiệp hiện có; (6) Phát triển các ngành

---

<sup>38</sup> Pháp luật về bảo vệ môi trường ở Singapore, <http://www.isvn20.com>

công nghiệp tiên tiến; (7) Xây dựng nền tảng cho kinh tế xanh; (8) Xây dựng không gian xanh và giao thông vận tải xanh; (9) Thực hiện cuộc cách mạng xanh về lối sống; và (10) Hỗ trợ quốc tế cho tăng trưởng xanh

Chiến lược quốc gia về “tăng trưởng xanh, các-bon thấp” của Hàn Quốc xác định tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng là 2,7% (năm 2009), 3,78% (năm 2013) và hơn gấp đôi lên đến 6,08% (năm 2020); đồng thời đề ra mục tiêu trung hạn giảm phát thải khí nhà kính dự kiến sẽ xuống còn 30% vào trước năm 2020.

Khi khủng hoảng tài chính toàn cầu nổ ra, Hàn Quốc là một quốc gia điển hình đã kết hợp giải quyết khủng hoảng kinh tế với gói kích thích quan trọng cho chi tiêu xanh. Gói kích cầu “Hiệp định tăng trưởng xanh mới” được công bố tháng 1/2009 đã góp phần không nhỏ cho chiến lược quốc gia về “tăng trưởng xanh, các-bon thấp”. Gói kích cầu trị giá 50 nghìn tỷ won (tương đương 38,5 tỷ USD) trong 4 năm dành cho 9 dự án xanh chính và một số dự án lớn, qua đó tạo 956.000 việc làm xanh mới. 9 dự án này bao gồm: khôi phục 4 dòng sông chính; xây dựng hệ thống giao thông xanh; xây dựng cơ sở dữ liệu về lãnh thổ và tài nguyên quốc gia; quản lý nguồn tài nguyên nước; ô tô xanh và chương trình năng lượng sạch hơn; chương trình tái sinh tài nguyên; quản lý rừng và chương trình sinh học; nhà xanh, văn phòng xanh và trường học xanh; phong cảnh và cơ sở hạ tầng xanh.

Ủy ban quốc gia về Khoa học và Công nghệ Hàn Quốc cũng tán thành và công bố “Kế hoạch Nghiên cứu và phát triển toàn diện về công nghệ xanh” vào tháng 1/2009. Kế hoạch kêu gọi tăng gấp 2 lần khoản chi cho nghiên cứu và phát triển công nghệ xanh vào năm 2012 (769 triệu USD vào năm 2008), tập trung vào 27 lĩnh vực công nghệ chính như dự đoán biến đổi khí hậu, chế tạo và sử dụng pin năng lượng mặt trời, tái sử dụng rác thải, lưu giữ các-bon.

Để giám sát việc triển khai những sáng kiến về tăng trưởng xanh và tạo ra một động lực mạnh mẽ, Ủy ban Điều hành về tăng trưởng xanh đã được thiết lập vào tháng 2/2009. Ủy ban này gồm 47 thành viên là các Bộ trưởng hữu quan, các chuyên gia và những người tham gia trong lĩnh vực tư nhân. Ngoài ra, Chính phủ Hàn Quốc cũng đã đề xuất một điều luật khung mới về tăng trưởng xanh. Đây được kỳ vọng là một điều luật toàn diện đề cập đến tất cả các vấn đề có liên quan đến năng lượng, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Năm 2010, Chính phủ Hàn Quốc đã thúc đẩy việc phát triển những ngành công nghiệp và công nghệ xanh bao gồm năng lượng mặt trời, năng lượng gió, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong ngành công nghiệp xanh.

Năm 2011, Chính phủ Hàn Quốc đã tập trung vào nâng cao những hệ thống này thông qua việc ban hành luật nhằm hạn chế khí thải nhà kính và phát triển quản lý năng lượng nhằm chuyển giao cơ cấu kinh tế xã hội theo hướng khí thải các-bon thấp.

Với khẩu hiệu “Tất cả vì một cộng đồng giàu có”, Chính phủ Hàn Quốc đã thành công đáng kể trong việc khuyến khích sự tham gia tích cực của người dân vì sự phát triển của cộng đồng. Sự thành công này được ghi nhận qua các dự án như: “Ngôi nhà xanh trị giá 2 triệu”, “Thành phố và dòng sông xanh hơn”, “Thành phố mặt trời”... Nhờ có việc nâng cao nhận thức về cuộc sống xanh, số lượng gia đình tham gia vào hệ thống giảm thiểu khí thải carbon tăng tới 2 triệu vào tháng 2/2011.

Các doanh nghiệp cũng góp phần không nhỏ để hướng tới tăng trưởng xanh. Với sự hỗ trợ mở rộng của Chính phủ, số lượng dự án của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành công nghiệp xanh được hiện thực hóa đã tăng hơn 40% kể từ năm 2009. Hệ thống chứng chỉ xanh của Chính phủ được đưa ra vào tháng 4/2010 đã chứng nhận hơn 400 trường hợp doanh nghiệp, dự án và công nghệ xanh.

Sự đồng lòng của người dân cùng với quyết tâm của Chính phủ Hàn Quốc đã mang lại cho họ những kết quả vượt mong đợi khi năm 2009, Hàn Quốc đã có tốc độ tăng trưởng dương (0,2%); năm 2010, tăng trưởng đạt 6,1%, cao nhất trong vòng 8 năm và năm 2011 dự kiến tăng trưởng đạt khoảng 3,8%.<sup>39</sup>

### **3. Đánh thuế rác**

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, Hong Kong tạo ra khoảng 19.000 tấn CTR mỗi ngày, trong đó 9.100 tấn được đổ ra các bãi rác. Chỉ 52% tổng lượng rác được tái chế. Trung bình mỗi người dân Hong Kong thải ra khoảng 921 kg rác mỗi năm, cao gấp hai lần so với mỗi người dân Nhật Bản (410 kg) và Hàn Quốc (380 kg). Trước vấn đề rác thải ngày càng trở nên cấp bách và chính quyền đặc khu hành chính Hong Kong của Trung Quốc đã quyết định ban hành thuế đổ rác để giải quyết những vấn đề môi trường do rác gây nên. Theo đó, người dân sẽ phải trả tiền cho rác mà họ ném ra khỏi nhà. Lượng rác càng lớn thì số tiền người dân phải trả càng nhiều. Các nhà quản lý hy vọng thuế rác có thể buộc người dân thay đổi thói quen sinh hoạt hàng ngày của họ. Thuế đổ rác đã được áp dụng tại đảo Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc và New Zealand.<sup>40</sup>

<sup>39</sup> Hồng Vân, Tăng trưởng xanh: Kinh nghiệm từ Hàn Quốc, <http://tapchitaichinh.vn>, 27/12/2011

<sup>40</sup> Minh Long, Hong Kong tính đánh thuế rác, <http://vnexpress.net>, 13/01/2012

#### **4. Kiểm soát khí thải mô tô, xe gắn máy**

Tại các nước sử dụng nhiều loại phương tiện mô tô, xe gắn máy như Trung Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Ấn Độ... từ lâu đã thực hiện nhiều biện pháp kiểm soát khí thải mô tô, xe gắn máy. Có thể kể đến việc nỗ lực nâng cao chất lượng xăng và sử dụng nhiên liệu, năng lượng thay thế, kiểm soát khí thải mô tô, xe gắn máy sản xuất và nhập khẩu mới. Bên cạnh đó, các nước này đều thực hiện kiểm tra khí thải định kỳ bắt buộc, kiểm tra khí thải và kiểm soát trên đường đối với mô tô, xe gắn máy đang lưu hành, sử dụng các biện pháp hành chính, công cụ kinh tế để loại bỏ xe cũ...

#### **5. Đưa bộ môn giáo dục môi trường vào chương trình giảng dạy**

Một số quốc gia như: Indonesia, Malaysia, Singapore... đã biết vận dụng bộ môn giáo dục môi trường vào giảng dạy. Điều này giúp học sinh, sinh viên có thể nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề BVMT từ đó giúp hình thành ý thức cũng như thói quen BVMT của trẻ và khi lớn lên chúng sẽ không có những hành động phá hoại môi trường.

### **III. Chủ trương và biện pháp của Đảng và Nhà nước ta về phòng, chống ô nhiễm, phá hoại môi trường, thực hiện phát triển xanh**

#### **1. Chủ trương**

BVMT là vấn đề mang tính toàn cầu, là một trong những nhân tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước. Theo nhận định của Ngân hàng Thế giới, Việt Nam có thể chịu tổn thất do ô nhiễm môi trường lên tới 5,5% GDP mỗi năm. Hơn thế, ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, CTR... có xu hướng sẽ gia tăng, kéo theo hệ quả là tác động tới đời sống và các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội ngày càng trầm trọng. Đây cũng là nguyên nhân gây ra hàng loạt xung đột về môi trường, điển hình là xung đột lợi ích giữa các nhóm cộng đồng trong khai thác sử dụng tài nguyên, giữa những nhóm gây ô nhiễm và cộng đồng bị ô nhiễm.

Chính bởi vậy, BVMT sinh thái trong quá trình CNH, HĐH hiện nay là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp và đối với mọi công dân. Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về BVMT, điển hình là Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15/11/2004 của Bộ Chính trị (Khoá IX) về BVMT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững (PTBV) ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) được ban hành kèm theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, ngày 17/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung

ương lần thứ 4 (khóa X) năm 2007; Luật BVMT (sửa đổi) thông qua bởi Quốc Hội năm 2005; Luật Đa dạng sinh học thông qua bởi Quốc hội năm 2008; Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị; các nghị định của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật BVMT cùng các Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; Đề án kiểm soát khí thải mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông tại các tỉnh, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 909/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/6/2010, Chiến lược quản lý tổng hợp CTR đến 2025 tầm nhìn đến 2050, v.v...

Đặc biệt, quan điểm BVMT (trụ cột thứ ba trong ba trụ cột phát triển bền vững bên cạnh hai trụ cột kinh tế và xã hội) đã được Đảng và Nhà nước xác định ngày càng rõ trong các Kế hoạch và Chiến lược phát triển kinh tế xã hội và trong Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam.

**Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2006-2010**, được Quốc hội khóa 11 thông qua theo Nghị quyết số 56/2006/QH11, đã lồng ghép định hướng chiến lược phát triển bền vững và đã đưa ra một số chỉ tiêu phát triển bền vững về KT-XH và môi trường.<sup>41</sup>

Tiếp đó, **Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020** (Văn kiện Đại hội XI của Đảng, tháng 01/2011) có nêu rõ quan điểm phát triển kinh tế - xã hội đó là “*Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu*”. Đồng thời, Chiến lược cũng xác định rõ mục tiêu về mặt môi trường đó là: “*Cải thiện chất lượng môi trường. Đến năm 2020, tỉ lệ che phủ rừng đạt 45% (Kể cả diện tích cây công nghiệp lâu năm). Hầu hết dân cư thành thị và nông thôn được sử dụng nước sạch và hợp vệ sinh. Các cơ sở sản xuất kinh doanh mới thành lập phải áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải; trên 80% các cơ sở sản xuất kinh doanh hiện có đạt tiêu chuẩn về môi trường. Các đô thị loại 4 trở lên và tất cả các cụm, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung. 95% CTR thông thường, 85% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn. Cải thiện và phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm nặng. Hạn chế tác hại của thiên tai; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng*”.

Để làm được việc đó, Chiến lược chỉ rõ cần phải: *Nâng cao ý thức BVMT, gắn nhiệm vụ, mục tiêu BVMT với phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới cơ chế quản lý tài nguyên và BVMT. Đưa nội dung BVMT vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng và các chương trình, dự án. Các dự*

<sup>41</sup> Phạm Ngọc Đăng, Phát triển bền vững về môi trường ở Việt Nam: Thành tựu, thách thức hiện tại và định hướng trong thời gian tới, <http://vea.gov.vn>, 29/6/2011



án đầu tư xây dựng mới phải bảo đảm yêu cầu về môi trường. Thực hiện nghiêm ngặt lộ trình xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Hoàn thiện hệ thống luật pháp về BVMT; xây dựng chế tài đủ mạnh để ngăn ngừa, xử lý các hành vi vi phạm. Khắc phục suy thoái, BVMT và cân bằng sinh thái, nâng cao chất lượng môi trường. Thực hiện tốt chương trình trồng rừng, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng; tăng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên. Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Hạn chế và tiến tới không xuất khẩu tài nguyên chưa qua chế biến. Chú trọng phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững; từng bước phát triển năng lượng sạch, sản xuất sạch, tiêu dùng sạch. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT, phát triển các dịch vụ môi trường, xử lý chất thải. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và đánh giá tác động để chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và Chương trình quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng. Tăng cường hợp tác quốc tế để phối hợp hành động và tranh thủ sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

**Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững (PTBV) ở Việt Nam** (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam) được ban hành kèm theo Quyết định số 153/2004/QĐ-TTg, ngày 17/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định PTBV là *con đường tất yếu của Việt Nam*. Đồng thời Chiến lược cũng nêu rõ những lĩnh vực kinh tế cần ưu tiên nhằm PTBV, những lĩnh vực xã hội cần ưu tiên nhằm PTBV, những lĩnh vực sử dụng Tài nguyên Thiên nhiên (TNTN) và BVMT (BVMT) cần ưu tiên cũng như việc tổ chức thực hiện Chiến lược PTBV ra sao. Tuy nhiên, Định hướng chiến lược PTBV này chưa xác định cụ thể các chỉ tiêu PTBV là gì và đến năm 2010 sẽ đạt được giá trị như thế nào.

**Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020**, ban hành kèm theo Quyết định Số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ, xác định: “*Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội; Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, đặc biệt là loại tài nguyên không thể tái tạo, gìn giữ và cải thiện môi trường sống; xây dựng xã hội học tập; xây dựng lối sống thân thiện môi trường, sản xuất và tiêu dùng bền vững; Công nghệ hiện đại, sạch và thân thiện với môi trường cần được ưu tiên sử dụng rộng rãi trong các ngành sản xuất*”. Một trong những mục tiêu của Chiến lược đó là: Từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế các bon thấp. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả mọi nguồn lực; Giảm thiểu các tác

động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường. Khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không tái tạo. Phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Hạn chế tác hại của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng.

Trên cơ sở những lĩnh vực sử dụng TNTN và BVMT cần ưu tiên được đưa ra trong Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững (PTBV) ở Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 cũng xác định các định hướng ưu tiên nhằm phát triển bền vững trong giai đoạn 2011-2020 về tài nguyên và môi trường bao gồm: (1) Chống thoái hóa, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất; (2) BVMT nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước; (3) Khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản; (4) BVMT biển, ven biển, hải đảo và phát triển tài nguyên biển; (5) Bảo vệ và phát triển rừng; (6) Giảm ô nhiễm không khí và tiếng ồn ở các đô thị lớn và khu công nghiệp; (7) Quản lý có hiệu quả CTR và chất thải nguy hại; (8) Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học; và (9) Giảm thiểu tác động và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

Điểm mới trong Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đó là Chiến lược đã xác định cụ thể các chỉ tiêu giám sát và đánh giá phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 bao gồm: (i) Các chỉ tiêu tổng hợp như: GDP xanh, Chỉ số phát triển con người (HDI), Chỉ số bền vững môi trường (ESI); (ii) các chỉ tiêu về kinh tế như: Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR), Năng suất lao động xã hội, Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp vào tốc độ tăng trưởng chung, Mức giảm tiêu hao năng lượng để sản xuất ra một đơn vị GDP, Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong cơ cấu sử dụng năng lượng...; (iii) Các chỉ tiêu về xã hội như: Tỷ lệ nghèo, Tỷ lệ thất nghiệp, Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo, Hệ số bất bình đẳng trong phân phối thu nhập (hệ số Gini)...; và (iv) Các chỉ tiêu về tài nguyên và môi trường như: Tỷ lệ che phủ rừng, Tỷ lệ đất được bảo vệ, duy trì đa dạng sinh học, Diện tích đất bị thoái hóa, Mức giảm lượng nước ngầm, nước mặt, Tỷ lệ ngày có nồng độ các chất độc hại trong không khí vượt quá tiêu chuẩn cho phép, Tỷ lệ các đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp xử lý CTR, nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, Tỷ lệ CTR thu gom, đã xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Nhìn chung, việc lồng ghép BVMT với phát triển KT-XH, hài hòa phát triển 3 mặt KT-XH-MT ở nước ta trong những năm gần đây đã được Đảng và Nhà nước quan tâm nhiều hơn. Bên cạnh đó, các hoạt động BVMT ở nước ta

trong 5 năm qua ngày càng sôi động hơn, đi vào chiều sâu hơn, có hiệu quả hơn, từ việc xây dựng ban hành các chính sách và văn bản pháp luật được hoàn thiện hơn, xây dựng và phát triển tổ chức quản lý môi trường được tăng cường hơn, các hoạt động ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường ngày càng có hiệu quả hơn, đầu tư ngân sách cho công tác BVMT tăng lên..., việc huy động toàn dân tham gia công tác BVMT đã có nhiều tiến bộ. Tuy vậy, vẫn phải nhìn nhận một thực tế là phát triển bền vững về mặt môi trường ở nước ta trong thời gian qua còn nhiều vấn đề bất cập và tồn tại.<sup>42</sup> Để có thể đưa những chủ trương của Đảng và Nhà nước về BVMT, phòng, chống ô nhiễm, phá hoại môi trường, bồi bổ và tô điểm môi trường, thực hiện phát triển xanh vào cuộc sống, cần phải có các hành động quyết liệt cũng như quyết tâm và sự đồng lòng hợp tác của tất cả các cấp, các ngành, các tổ chức cũng như người dân trong xã hội.

## **2. Biện pháp**

Trên cơ sở các chủ trương và định hướng phát triển ở trên, Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 cũng đưa ra các nhóm giải pháp cho PTBV, bao gồm:

*(1) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thể chế phát triển bền vững; nâng cao chất lượng quản trị quốc gia đối với phát triển bền vững đất nước*

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách theo hướng điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới nhằm đảm bảo khung pháp lý đầy đủ cho việc thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (dưới đây gọi tắt là Chiến lược). Tập trung hoàn chỉnh hệ thống chính sách, pháp luật về BVMT, trước hết là sửa đổi Luật BVMT 2005.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước theo hướng đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tính minh bạch quản trị quốc gia và phòng chống tham nhũng. Tăng cường sự phối hợp giữa các bên liên quan trong tổ chức thực hiện. Kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy các cấp để đảm nhiệm công tác quản lý phát triển bền vững.

- Lồng ghép các quan điểm, nguyên tắc phát triển bền vững trong các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển; đảm bảo việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia phải gắn với Chiến lược đã được Chính phủ thông qua và phải được kiểm tra, đánh giá theo các tiêu chí, chỉ tiêu phát triển bền vững một cách thường xuyên, chặt chẽ.

- Xây dựng các chương trình/kế hoạch hành động các cấp để thực hiện Chiến lược.

---

<sup>42</sup> Phạm Ngọc Đăng, Phát triển bền vững về môi trường ở Việt Nam: Thành tựu, thách thức hiện tại và định hướng trong thời gian tới, <http://vea.gov.vn>, 29/6/2011

- Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, cập nhật để hoàn thiện bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá phát triển bền vững cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước trong thực hiện Chiến lược, thường xuyên thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách, các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững.

- Tăng cường, áp dụng nghiêm minh các chế tài hình sự, hành chính có nội dung bảo đảm phát triển bền vững; chú trọng hoàn thiện chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật môi trường; có chính sách khen thưởng rõ ràng những tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo đảm phát triển bền vững.

### *(2) Tăng cường các nguồn lực tài chính để thực hiện phát triển bền vững*

- Tăng cường đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước để thực hiện Chiến lược. Tăng cường chi từ Ngân sách nhà nước cho việc xây dựng hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách pháp luật về phát triển bền vững; xây dựng các chương trình/kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược; nghiên cứu khoa học công nghệ liên quan đến phát triển bền vững; giáo dục truyền thông nâng cao nhận thức về phát triển bền vững; đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực quản lý và thực hiện phát triển bền vững.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các nguồn đầu tư xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức tài chính, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, cá nhân cung cấp tài chính, đầu tư cho các hoạt động nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

- Tăng cường áp dụng các công cụ tài chính (thuế, phí ...) để tăng nguồn tài chính cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia.

- Thành lập Quỹ Hỗ trợ phát triển bền vững để huy động và tiếp nhận các nguồn vốn từ Ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho các dự án, các hoạt động, các sáng kiến và mô hình phát triển bền vững của các ngành, lĩnh vực, các địa phương và cộng đồng trên phạm vi toàn quốc.

### *(3) Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững*

- Đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về phát triển bền vững. Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông có nội dung và hình thức tuyên truyền thích hợp cho từng nhóm

đối tượng trong xã hội. Phát huy vai trò và trách nhiệm của các cơ quan thông tin truyền thông như truyền hình, đài phát thanh, báo chí trong việc nâng cao nhận thức của người dân về các chủ trương, chính sách và chiến lược phát triển bền vững của đất nước; phổ biến nội dung, thông tin về phát triển bền vững. Huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn thể như Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Sinh viên, ... trong công tác truyền thông về phát triển bền vững.

- Cập nhật và đưa các nội dung giáo dục về phát triển bền vững vào chương trình giảng dạy của các cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục và đào tạo.

#### *(4) Tăng cường năng lực quản lý và thực hiện phát triển bền vững*

- Tăng cường đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý và thực hiện phát triển bền vững cho cán bộ quản lý các cấp, các tổ chức đoàn thể và cộng đồng doanh nghiệp.

- Tăng cường năng lực cho các cơ quan nghiên cứu về phát triển bền vững.

- Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý phát triển bền vững.

- Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá thực hiện phát triển bền vững.

*(5) Nâng cao vai trò, trách nhiệm và tăng cường sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ và cộng đồng dân cư trong thực hiện phát triển bền vững*

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng dân cư trong thực hiện phát triển bền vững, trong tư vấn, phản biện, kiến nghị chính sách về phát triển bền vững và giám sát thực hiện phát triển bền vững.

- Nâng cao vai trò và sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, quản lý và sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên và BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu, tập trung vào:

+ Đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn và thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;

+ Nâng cao trách nhiệm và huy động sự đóng góp nguồn lực của doanh nghiệp trong quản lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, duy trì đa dạng sinh học và BVMT, chủ động ngăn ngừa, phòng chống và khắc phục ô nhiễm môi trường;

+ Thúc đẩy thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp, triển khai các mô hình kinh doanh với người nghèo, tạo sinh kế, nâng cao mức sống cho người nông dân, đồng bào vùng sâu vùng xa;

+ Xây dựng các sáng kiến sản xuất kinh doanh bền vững, thí điểm các mô hình để nhân rộng.

*(6) Phát triển nguồn nhân lực cho thực hiện phát triển bền vững*

- Triển khai và cụ thể hóa Chiến lược và Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 với phương châm coi trọng phát triển nguồn lực con người, coi đây là một khâu then chốt, quyết định trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng và phát triển bền vững; Phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực có chất lượng, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững với cơ cấu hợp lý các loại nhân lực theo ngành và theo lĩnh vực phát triển.

- Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh thực hiện đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, tăng cường đầu tư xây dựng các trường đại học xuất sắc, đại học trọng điểm. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức.

*(7) Tăng cường vai trò và tác động của khoa học và công nghệ, đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong thực hiện phát triển bền vững*

- Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó đảm bảo khoa học và công nghệ là nền tảng, động lực cho các hoạt động phát triển. Chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực khoa học, công nghệ làm nền tảng cho phát triển bền vững.

- Hướng mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ gắn với mục tiêu phát triển bền vững. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển bền vững. Khuyến khích phát triển công nghệ môi trường, công nghệ sạch, các sản phẩm thân thiện môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu và năng lượng. Kiểm soát có hiệu quả nhập khẩu và chuyển giao công nghệ không tiên tiến, tiêu tốn nhiên liệu và năng lượng; Áp dụng các tiếp cận và phương pháp tiên tiến trong quản lý các hoạt động phát triển vì mục tiêu phát triển bền vững. Tăng cường ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, trong đó chú ý đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu, năng lượng, ít chất thải và tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Hình thành và phát triển hệ thống các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững.

#### *(8) Mở rộng hợp tác quốc tế*

- Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trao đổi thông tin, khoa học công nghệ về phát triển bền vững, phát triển những ngành kinh tế môi trường (công nghệ xử lý chất thải, công nghệ tiêu tốn ít năng lượng, phát thải ít cacbon, công nghệ tái chế rác thải ...).

- Chủ động và tích cực tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết những vấn đề liên quan đến phát triển bền vững; phối hợp giải quyết những vấn đề toàn cầu và khu vực (liên quốc gia): giảm phát thải các bon; ô nhiễm nguồn nước, không khí; khai thác rừng; đập thủy điện; những vấn đề xã hội như di dân, xuất khẩu lao động v.v...<sup>43</sup>

#### **IV. Kiến nghị cho những năm tới**

Các chỉ thị, nghị quyết, văn bản pháp quy này đi vào cuộc sống đã bước đầu tạo ra một số chuyển biến tích cực trong hoạt động BVMT, song vẫn còn nhiều mặt chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Để ngăn chặn, khắc phục và xử lý có hiệu quả những hành vi gây ô nhiễm môi trường, bên cạnh nhóm giải pháp về PTBV được nêu ra trong Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 ở trên, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp chủ yếu sau đây:

**Một là**, tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về BVMT, trong đó những chế tài xử phạt (cưỡng chế hành chính và xử lý hình) phải thực sự đủ mạnh để đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm. Kinh nghiệm của Singapore trong vấn đề này rất đáng lưu tâm. Bên cạnh đó, cần xây dựng đồng bộ hệ thống quản lý môi trường trong các nhà máy, các khu công nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời tổ chức giám sát chặt chẽ nhằm hướng tới một môi trường tốt đẹp và thân thiện hơn với con người. Nên chăng cần ban hành Luật Không khí sạch như đã làm ở rất nhiều nước trên thế giới.

**Hai là**, tăng cường công tác nắm tình hình, thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường (thường xuyên, định kỳ, đột xuất); phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn, nhất là giữa lực lượng thanh tra môi trường với lực lượng cảnh sát môi trường các cấp, nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, triệt

<sup>43</sup> Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020

để những hành vi gây ô nhiễm môi trường của các tổ chức, cá nhân. Đồng thời, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác môi trường; trang bị các phương tiện kỹ thuật hiện đại để phục vụ có hiệu quả hoạt động của các lực lượng này.

**Ba là,** chú trọng công tác quy hoạch phát triển các khu, cụm, điểm công nghiệp, các làng nghề, các đô thị, đảm bảo tính khoa học cao, trên cơ sở tính toán kỹ lưỡng, toàn diện các xu thế phát triển, từ đó có chính sách phù hợp; tránh tình trạng quy hoạch tràn lan, thiếu đồng bộ, chòng chéo như ở nhiều địa phương thời gian vừa qua, gây khó khăn cho công tác quản lý nói chung, quản lý môi trường nói riêng. Đối với các KCN đang trong quá trình xây dựng, cần có quy định bắt buộc các công ty đầu tư hạ tầng phải xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải cũng như phế liệu, phế thải tập trung hoàn chỉnh theo đúng tiêu chuẩn mới được phép hoạt động, đồng thời thường xuyên có báo cáo định kỳ về hoạt động xử lý nước thải, rác thải tại đó. Với các dự án khu công nghiệp mới, cần có phê duyệt chặt chẽ, đồng bộ; tạm ngừng cấp phép xây dựng đối với địa phương có quá nhiều cơ sở KCN gây ô nhiễm môi trường.

**Bốn là,** trong quy hoạch đô thị tổng thể phải chú trọng đến việc xây dựng và hoàn thiện mạng lưới phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, xe điện trên không, xe điện ngầm...) và các hình thức giao thông không gây ô nhiễm, đồng thời tiến hành hạn chế phương tiện cá nhân, thu phí môi trường phương tiện. Điều này giúp giảm phương tiện giao thông cá nhân, tăng tỷ lệ người tham gia phương tiện giao thông công cộng, nhờ đó cải thiện môi trường không khí tại các thành phố và các khu đô thị.

Kinh nghiệm của Thái Lan trong việc xử lý vấn đề này là rất hữu ích. Tại Bangkok (Thái Lan) cách đây 10 năm, tình hình ô nhiễm không khí rất nghiêm trọng. Tuy nhiên, sau khi thành phố này phát triển hệ thống tàu điện trên cao và tàu điện ngầm, môi trường không khí được cải thiện rất nhiều.

Hơn thế, ở các đô thị cũng phải ứng dụng tối đa hệ thống mạng lưới giao thông đa phương tiện đã được tiến hành bằng cách nghiên cứu quãng đường đi để từ đó có thể đưa ra phương tiện nào sử dụng thích hợp nhất nhằm giảm tải và hạn chế xe trong thành phố.

**Năm là,** chú trọng và tổ chức thực hiện nghiêm túc việc thẩm định, đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn tham mưu chính xác cho cấp có thẩm quyền xem xét quyết định việc cấp hay không cấp giấy phép đầu tư. Việc quyết định các dự án đầu tư cần được cân nhắc kỹ lưỡng giữa lợi ích đem lại trước mắt với những ảnh hưởng của nó đến môi trường về lâu dài. Thực hiện công khai, minh bạch các quy hoạch, các dự án



đầu tư và tạo điều kiện để mọi tổ chức và công dân có thể tham gia phản biện xã hội về tác động môi trường của những quy hoạch và dự án đó.

**Sáu là**, cần thiết lập hệ thống quan trắc môi trường đầy đủ hơn đặc biệt là ở các thành phố và các khu đô thị lớn. Mạng lưới các trạm đo đặc ô nhiễm không khí, mô hình cải thiện giao thông ở đô thị phải được điều tra, khảo sát kỹ.

**Bảy là**, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về môi trường trong toàn xã hội nhằm tạo sự chuyển biến và nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật BVMT, trách nhiệm xã hội của người dân, doanh nghiệp trong việc gìn giữ và BVMT để mọi người tự giác tham gia BVMT và thẳng thắn đấu tranh chống lại các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT; đưa bộ môn giáo dục môi trường vào chương trình giảng dạy trong các trường học các cấp; xây dựng ý thức sinh thái, làm cho mọi người nhận thức một cách tự giác về vị trí, vai trò, mối quan hệ mật thiết giữa tự nhiên - con người - xã hội.<sup>44</sup>

Đặc biệt, để cải thiện tình hình vệ sinh môi trường nông thôn hiện nay, một trong những biện pháp quan trọng là vận động cộng đồng dân cư nông thôn có ý thức và thay đổi tập quán, thói quen xả rác tùy tiện. Khuyến cáo bà con nên tận dụng vườn, ruộng để xử lý rác thải hữu cơ, hạn chế dùng các sản phẩm gây nguy hại tới môi trường như túi ni lông, các sản phẩm bao bì bằng nhựa, thủy tinh... Xây dựng và triển khai các chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi “sạch”, hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi. Ngoài ra cần thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn cho nông dân cách sử dụng và hiểu về tác hại của thuốc BVTV đối với môi trường và với chính những sản phẩm người nông dân làm ra. Thêm nữa, cần lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về BVMT trong mô hình xây dựng nông thôn mới. Vệ sinh môi trường nông thôn không còn là vấn đề của mỗi cá nhân mà cần sự hợp tác của tất cả các thành viên trong xã hội.<sup>45</sup>

**Tám là**, phát triển công nghiệp xanh. Hoàn thành việc di chuyển tất cả các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp gây ô nhiễm nặng ra ngoài thành phố. Phát triển công nghệ sản xuất sạch hơn ở tất cả các khu công nghiệp và cơ sở công nghiệp ở xung quanh thành phố (phát triển công nghiệp xanh).

**Chín là**, trong khi nguồn lực của Nhà nước có hạn cần thúc đẩy xã hội hóa mạnh mẽ hơn nữa công tác BVMT nhằm huy động được mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, các tổ chức xã hội và cộng đồng cho các hoạt động BVMT. Để đạt mục đích đó, cần thực hiện một số biện pháp sau đây:

<sup>44</sup> Trần Đắc Hiến, Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay – Thực trạng và một số giải pháp khắc phục, <http://www.moitruong.com.vn>, 24/03/2011

<sup>45</sup> Đỗ Phương, Báo động ô nhiễm môi trường nông thôn, 13/08/2011

(i) tích cực thực hiện chủ trương kinh tế hóa ngành tài nguyên môi trường theo Nghị quyết số 27/NQ-BCS của Ban cán sự đảng bộ Bộ TNMT, theo đó cần rà soát lại và chuyển đổi các cơ chế quản lý quan liêu bao cấp sang cơ chế quản lý thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xác định rõ những lĩnh vực Nhà nước cần thực hiện, những lĩnh vực cần kêu gọi các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh thực hiện.

(ii) xây dựng và thực hiện các mô hình hợp tác công tư (public-private partnership - PPP), nhà nước và nhân dân cùng làm trong BVMT, đặc biệt là trong việc khắc phục, cải tạo các điểm nóng về môi trường.

(iii) xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn về các chính sách ưu đãi về đất đai, về vốn, về thuế, về tín dụng cho các hoạt động BVMT cụ thể.

(iv) tổ chức truyền thông rộng rãi, nâng cao nhận thức, tổ chức các diễn đàn kêu gọi đầu tư vào các công trình, dự án, hoạt động BVMT. Tăng cường cơ chế trao đổi thông tin liên quan đến lĩnh vực BVMT, tạo điều kiện thuận lợi cho khối tư nhân có nhu cầu tham gia công tác xã hội hóa BVMT.

(v) thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước đang cung ứng dịch vụ môi trường và thành lập các công ty cổ phần mới, các tổng công ty, các tập đoàn tham gia cạnh tranh cung cấp các dịch vụ môi trường.

(vi) cần thúc đẩy mạnh mẽ hơn các phong trào BVMT trong nhân dân, đặc biệt cần phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị, xã hội, các tổ chức phi chính phủ, của cộng đồng trong việc giám sát và thực thi các quy định pháp luật về BVMT.<sup>46</sup>

---

<sup>46</sup> Nguyễn Trung Thắng, Chủ trương xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường và chính sách ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực môi trường của Việt Nam hiện nay, <http://vea.gov.vn>, 22/11/2010

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020, Văn kiện Đại hội XI của Đảng, tháng 01/2011
2. Quốc hội, Nghị quyết số 56/2006/QH11, Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2006-2010
3. Thủ tướng Chính phủ, Định hướng Chiến lược Phát triển bền vững (PTBV) ở Việt Nam (Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam).
4. Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020
5. Quỳnh Anh, Ô nhiễm không khí tại các đô thị vượt nhiều lần quy chuẩn cho phép, <http://dantri.com.vn>, 20/03/2012
6. Đinh Văn Ân, Hoàng Thu Hòa (2009), Vượt thách thức, mở thời cơ phát triển bền vững, NXB. Tài Chính
7. Bộ Tài nguyên và Môi trường. Báo cáo Môi trường Quốc gia, năm 2010
8. Đặng Kim Chi, CTR nông thôn, nông nghiệp và làng nghề - Thực trạng và giải pháp, <http://www.quantracmoitruong.gov.vn>, 7/2011
9. Phạm Ngọc Đăng, Phát triển bền vững về môi trường ở Việt Nam: Thành tựu, thách thức hiện tại và định hướng trong thời gian tới, <http://vea.gov.vn>, 29/6/2011
10. Phạm Ngọc Đăng, Thực trạng ô nhiễm không khí đô thị ở Việt Nam, <http://vea.gov.vn/vn>, 22/11/2010
11. B.H, Giảm thiểu tình trạng ô nhiễm không khí, <http://www.giaothongvantai.com.vn>, 26/10/2010
12. K.H, 40% khu công nghiệp vi phạm về môi trường, <http://www.congan.com.vn>, 13/05/2011
13. Văn Hào, VN có 44 triệu tấn CTR phát sinh năm 2015, <http://www.vietnamplus.vn>, 09/2/2012
14. Nguyễn Hoài, Hà Nội ô nhiễm nhất Đông Nam Á, Tiền Phong, 22/03/2012
15. Trần Đắc Hiến, Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay – Thực trạng và một số giải pháp khắc phục, <http://www.khucongnghep.com.vn>, 08/01/2010
16. Trần Đắc Hiến, Ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay – Thực trạng và một số giải pháp khắc phục, <http://www.moitruong.com.vn>, 24/03/2011
17. X.Hợp, Xử lý CTR sinh hoạt đô thị: Công nghệ nào phù hợp?, 27/9/2011
18. Nguyễn Hưng, Hệ thống ngầm xả thải trộm của Tung Kuang, <http://vnexpress.net>, 15/04/2010

19. Nguyễn Đăng Lâm, Quảng Ngãi: 75% cơ sở sản xuất tại các khu công nghiệp không có hệ thống xử lý nước thải cục bộ, <http://www.monre.gov.vn>, 22/6/2011
20. Minh Long, Hong Kong tính đánh thuế rác, <http://vnexpress.net>, 13/01/2012
21. Thạch Long, Môi nguy CTR đô thị, <http://vea.gov.vn>, 29/1/2010
22. M.M, "Việt Nam nằm trong top 10 nước có môi trường không khí bị ô nhiễm nặng nhất trên thế giới" chỉ đúng một nửa, <http://www.moitruong.com.vn>, 25/05/2012
23. NN, Tình hình phát sinh CTR sinh hoạt đô thị ở Việt Nam, <http://www.moitruong.com.vn>, 04/03/2011
24. Thúy Nga, Ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn: SOS!, <http://hanoimoi.com.vn>, 23/04/2012
25. Trang Nguyên, Không khí ở Việt Nam bản thứ 10 thế giới, <http://vnexpress.net>, 06/02/2012
26. Đỗ Phương, Báo động ô nhiễm môi trường nông thôn, 13/08/2011
27. Quốc Quang, 6.700 tấn CTR xả ra môi trường mỗi ngày, <http://www.vietnamnet.vn>, 18/02/2012
28. Thái San, Giảm thiểu ô nhiễm không khí tại Hà Nội: Nhiệm vụ cấp bách, <http://www.monre.gov.vn>, 06/02/2012
29. P. Thanh, Khủng hoảng chất thải, Hà Nội không còn chỗ chứa rác, <http://dantri.com.vn>, 01/7/2011
30. Nguyễn Trung Thắng, Chủ trương xã hội hóa công tác BVMT và chính sách ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực môi trường của Việt Nam hiện nay, <http://vea.gov.vn>, 22/11/2010
31. Hương Thu, Không khí Hà Nội 'bản hạng nhất châu Á', <http://vnexpress.net>, 22/3/2012
32. Hồng Vân, Tăng trưởng xanh: Kinh nghiệm từ Hàn Quốc, <http://tapchitaichinh.vn>, 27/12/2011
33. Minh Xuân, TPHCM: 60% doanh nghiệp được kiểm tra không có hệ thống xử lý nước thải, <http://www.sggp.org.vn>, 18/05/2011
34. Tiểu Yên, Ô nhiễm môi trường Đà Nẵng: Nguy cơ ô nhiễm vẫn cao, <http://www.baodanang.vn>, 24/3/2012
35. Website <http://www.isvn20.com>, Pháp luật về BVMT ở Singapore.